**NỘI DUNG BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI**

**THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018**

1. **ĐỊA LÍ 8,9**
2. **LỊCH SỬ 8,9**

**1. NỘI DUNG BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI ĐỊA LÍ 8 CHƯƠNG TRÌNH MỚI**

**Chuyên đề: ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**Nội dung: ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ**

**Thầy cô cần tư vấn liên hệ Zalo 0974004860**

**Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam. Những thuận lợi của vị trí địa lí nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.**

- Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

- Phần đất liền Việt Nam có vị trí: theo chiếu bắc - nam từ 23°23“B đến 8°34'B, theo chiều đông - tây từ 109°24'Ð đến 102°09“Ð; tiếp giáp với 3 quốc gia: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia.

- Vùng biển kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50'B và từ khoảng kinh độ 101°Ð đến trên 117°520Ð tại Biển Đông.

- Nước ta nằm ở vị trí nội chí tuyến bán cầu Bắc; trong khu vực châu Á gió mùa; nơi tiếp giáp giữa đất liền và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

- Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

**\* Những thuận lợi của vị trí địa lí nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.**

=> Vị trí địa lí thuận lợi của nước ta có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

**Câu 2. Cho biết các quốc gia và biển tiếp giáp với phần đất liền của Việt Nam. Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của nước ta. Giải thích vì sao thiên nhiên nước ta có nhiều đặc điểm khác với một số nước cùng vĩ độ ở Tây Á.**

- Nước ta nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào, Campuchia, phía đông nam trông ra biển Đông và Thái Bình Dương.

- Phần đất liền nước ta trải dài, có hình chữ S, hẹp ngang, đường bờ biển dài 3260km và uốn khúc theo nhiều hướng.

- Giải thích

**Câu 3. Hãy phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm khí hậu, sinh vật và đất ở nước ta.**

Vị trí địa lí quy định kiểu khí hậu nhiệt đới ấm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển và phân hoá đa dạng:

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

+ Khí hậu: Có 2 mùa rõ rệt do nằm hoàn toàn trong đới nóng của bán cầu Bắc.

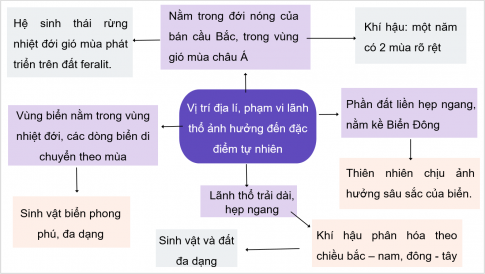
+ Sinh vật và đất: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đất feralit.

+ Là nơi hội tụ của nhiều luồng động, thực vật => Thành phần loài sinh vật phong phú.

+ Vùng biển nước ta nằm trong vùng nhiệt đới, có nhiệt độ bề mặt nước biển cao, các dòng biển di chuyển theo mùa, sinh vật biển phong phú, đa dạng.

- Thiên nhiên phân hóa đa dạng

**Câu 4. Vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tới đặc điểm tự nhiên Việt Nam.**



**Chuyên đề: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**Nội dung: ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

**Câu 1. Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta? Xác định vị trí một số dãy núi có hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung trên bản đồ. Lấy ví dụ thể hiện tác động của con người đến địa hình nước ta.**

**\* Đặc điểm chung của địa hình**

**a) Địa hình đồi núi chiếm ưu thế**

**-**Đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích phần đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình núi cao trên 2.000 m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước.

- Đồi núi nước ta chạy dài 1 400 km, từ Tây Bắc tới Đông Nam Bộ. Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị biển nhấn chìm thành các quần đảo (như vùng biển Hạ Long, Quảng Ninh trong vịnh Bắc Bộ).

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích phần đất liền và chia thành nhiều khu vực; điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung, bị đồi núi ngăn cách thành nhiều đồng bằng nhỏ.

**b) Địa hình có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và hướng vòng cung**

- Hướng tây bắc - đông nam điển hình là các dãy núi: Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc,...

- Hướng vòng cung thể hiện rõ nét nhất ở vùng núi Đông Bắc.

**c) Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt**

- Lãnh thổ nước ta đã được tạo lập từ cách đây hàng chục triệu năm. Trải qua quá trình địa chất lâu dài, các vùng núi bị ngoại lực bào mòn, phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng, thấp và thoải.

- Vận động tạo núi Hi-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc địa hình lớn kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa. Trong đó, lại có các bậc địa hình nhỏ như các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển,…

**d) Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người**

**- Tác động của khí hậu:**

+ Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, đá bị phong hoá mạnh mẽ nên bề mặt địa hình được che phủ bởi một lớp vỏ phong hoá dày.

+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa với lượng mưa lớn và tập trung theo mùa làm cho địa hình bị xâm thực, xói mòn mạnh, càng khiến địa hình bị chia cắt. Bề mặt địa hình dễ bị biến đổi do hiện tượng trượt lở đất đá khi mưa lớn theo mùa.

+ Lượng mưa lớn làm quá trình hoà tan đá vôi mạnh mẽ, tạo nên các dạng địa hình các-xtơ độc, nước ngầm xâm thực sâu vào lòng núi đá hình thành các hang động lớn.

**- Tác động của con người:**

+ Làm biến đổi các dạng địa hình tự nhiên.

+ Tạo ra ngày càng nhiều các dạng địa hình nhân tạo như: đê, đập, hầm mỏ,...

**\* Xác định vị trí một số dãy núi có hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung**

- Những dãy núi có hướng tây bắc - đông nam: D. Hoàng Liên Sơn và D. Trường Sơn.

- Những dãy núi có hình cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều.

**\* Lấy ví dụ thể hiện tác động của con người đến địa hình nước ta**

**Câu 2. Trình bày đặc điểm địa hình của các khu vực đồi núi ở nước ta.**

Địa hình đồi núi nước ta chia thành 4 khu vực: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.

- Hệ thống núi: Hệ thống núi chạy dọc bên bờ Biển Đông, kéo dài trên 1 400 km từ biên giới Việt - Trung đến Đông Nam Bộ. Các dãy núi lan ra sát biển thu hẹp diện tích đồng bằng.

+ Hướng dãy núi: Các dãy núi nước ta có hai hướng chính: hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

**Câu 2. Trình bày đặc điểm các khu vực địa hình đồi núi của nước ta.**

- Địa hình đồi núi nước ta chia thành 4 vùng là: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

***\**Vùng núi Đông Bắc:**

**- Phạm vi:** Nằm ở tả ngạn sông Hồng đến biên giới phía Bắc.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Địa hình thấp dần theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam.

+ Độ cao trung bình phổ biến dưới 1.000 m.

+ Đặc trưng của vùng núi này là những cánh cung núi lớn (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) và vùng đồi (trung du) phát triển mở rộng (như ở Phú Thọ, Bắc Giang,..).

+ Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long.

**\* Vùng núi Tây Bắc*:***

**- Phạm vi:** Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Địa hình cao nhất nước ta với độ cao trung bình 1 000 - 2 000 m, nhiều đỉnh cao trên 2 000 m. Trong vùng có nhiều dãy núi cao (dãy Hoàng Liên Sơn, dãy Pu Đen Đinh) và những cao nguyên hiểm trở chạy song song, kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam.

+ Đặc trưng của địa hình Tây Bắc là bị chia cắt mạnh. Xen giữa các vùng núi đá vôi là các cánh đồng, thung lũng các-xtơ,...

**\* Vùng Trường Sơn Bắc:**

**- Phạm vi:** vùng núi Trường Sơn Bắc kéo dài khoảng 600 km từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Gồm các dãy núi song song và và so le theo hướng Tây Bắc - Đông Nam với địa thế thấp, hẹp và được nâng cao ở hai đầu.

+ Là vùng có độ cao trung bình khoảng 1.000 m, một số ít đỉnh cao trên 2.000 m như: Pu Xai Lai Leng (2711 m), Rào Cỏ (2 235 m).

+ Có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miền Trung.

**\* Vùng Trường Sơn Nam:**

**- Phạm vi:** Nằm ở phía nam dãy Bạch Mã, chủ yếu ở khu vực: Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và một phần Đông Nam Bộ.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, có độ cao lớn hơn vùng Trường Sơn Bắc.

+ Địa hình có hướng vòng cung, hai sườn đông và tây Trường Sơn Nam không đối xứng.

+ Dạng địa hình nổi bật là các cao nguyên rộng lớn, xếp tầng, bề mặt phủ đất đỏ badan.

+ Các khối núi cao nằm ở phía bắc và nam của vùng có nhiều đỉnh cao trên 2.000 m như: Ngọc Linh (2 598 m), Chư Yang Sin (2 405 m), Lang Biang (2 167 m),...

+ Chuyển tiếp giữa miền núi, cao nguyên với miền đồng bằng là địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ với những thềm phù sa cổ, có nơi cao tới 200 m.

**Câu 4. Nêu tên các khu vực địa hình nước ta. Trình bày đặc điểm địa hình khu vực đồng bằng ở nước ta.**

**a) Các khu vực đồng bằng nước ta bao gồm:** Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long.

**b) Đặc điểm địa hình đồng bằng**

- Địa hình đồng bằng nước ta bao gồm đồng bằng châu thổ các sông và các đồng bằng duyên hải miền Trung.

**\* Đồng bằng sông Hồng:**

**- Diện tích** khoảng 15.000 km2, lớn thứ hai nước ta.

**- Vị trí tiếp giáp:** phía Bắc, Đông Bắc giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ; phía Tây giáp Tây Bắc; phía Nam giáp Bắc Trung Bộ; phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Được hình thành chủ yếu do phù sa của hệ thống sông Hồng bồi đắp.

**+**Dọc theo các bờ sông ở đồng bằng sông Hồng, nhân dân ta đã xây dựng hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không còn được bồi đắp tự nhiên.

**\* Đồng bằng sông Cửu Long:**

- Diện tích: Là đồng bằng lớn nhất nước ta, có diện tích trên 40.000 km2.

**- Vị trí tiếp giáp:** phía Đông Bắc giáp Đông Nam Bộ; phía bắc giáp Cam-pu-chia; phía Đông Nam giáp Biển Đông; phía Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Mê Công.

+ Phần thượng châu thổ có địa hình tương đối bằng phẳng với nhiều gờ đất cao (giồng đất), phần hạ châu thổ cao trung bình từ 2 - 3 m so với mực nước biển.

+ Trên mặt đồng bằng không có đê lớn để ngăn lũ. Vào mùa lũ, nhiều vùng đất trũng rộng lớn bị ngập úng sâu và khó thoát nước.

+ Đồng bằng có hệ thống kênh rạch tự nhiên và nhân tạo dày đặc có tác dụng tiêu nước, thau chua, rửa mặn.

**\* Các đồng bằng duyên hải miền Trung:**

**- Tổng diện tích** khoảng 15000 km2; trong đó đồng bằng Thanh Hoá có diện tích lớn nhất (3100 km2).

**- Vị trí:** nằm ở ven biển miền Trung từ Thanh Hóa vào đến Bình Thuận, bao gồm: Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh; Đồng bằng Bình - Trị - Thiên; Đồng bằng Nam - Ngãi; Đồng bằng Bình Phú - Khánh Hòa và Đồng bằng Ninh Thuận - Bình Thuận.

**- Đặc điểm địa hình:**ít màu mỡ hơn so với hai đồng bằng châu thổ hạ lưu sông, do đất có nguồn gốc hỗn hợp từ phù sa sông và phù sa biển, trong đồng bằng có nhiều cồn cát.

**Câu 5. Hãy hoàn thành bảng thông tin về các khu vực địa hình đồi núi**. **So sánh đặc điểm địa hình của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| **Tây Bắc** | Hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả |  |
| **Đông Bắc** | Tả ngạn sông Hồng |  |
| **Trường Sơn Bắc** | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã |  |
| **Trường Sơn Nam** | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ |  |

**So sánh:**

- Giống nhau:

- Khác nhau:

**Câu 6. Trình bày đặc điểm Địa hình bờ biển và thềm lục địa ở nước ta.**

**- Địa hình bờ biển:**Bờ biển nước ta dài 3260 km, kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang). Có 2 dạng chính địa hình:

+ Bờ biển bồi tụ (tại các châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long), có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

+ Bờ biển mài mòn (tại các vùng chân núi và hải đảo, ví dụ: đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu) rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió, nhiều bãi cát.

- **Địa hình thềm lục địa:**

**Câu 7. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam**

**a) Đối với phân hóa tự nhiên**

- Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn trên phần lớn diện tích lãnh thổ.

- Ở các vùng núi, thiên nhiên có sự phân hóa theo đai cao.

+ Đai nhiệt đới gió mùa có hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên nhóm đất feralit.

+ Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có hệ sinh thái rừng lá rộng cận nhiệt, nhóm đất điển hình là đất feralit (có hàm lượng mùn lớn hơn).

+ Đai ôn đới gió mùa trên núi phát triển thực vật ôn đới. Đất ở vùng núi cao chủ yếu là mùn thô.

- Một số dãy núi có vai trò là bức chắn địa hình tạo nên sự phân hoá thiên nhiên giữa các sườn núi.

+ Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa Đông Bắc khiến mùa đông ở Tây Bắc có thời gian ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn ở Đông Bắc.

+ Dãy Trường Sơn gây nên hiệu ứng phơn tạo ra sự khác biệt về thời gian mùa mưa giữa hai sườn núi.

+ Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào phía nam nước ta, trở thành ranh giới tự nhiên của hai miền khí hậu (phía bắc có mùa đông lạnh và phía nam nóng quanh năm). Tự nhiên ở hai miền cũng có nhiều nét khác biệt.

**b) Đối với khai thác kinh tế**

**\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi:**

**- Thế mạnh:**

***+ Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp:*** khu vực đồi núi nước ta có nguồn lâm sản phong phú, thuận lợi cho phát triển ngành lâm nghiệp; có các đồng cỏ tự nhiên tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc lớn; thổ nhưỡng và khí hậu thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,…

***+ Đối với công nghiệp:*** Khu vực đồi núi tập trung nhiều loại khoáng sản => cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp; Các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn.

***+ Đối với du lịch:*** khu vực đồi núi có khí hậu mát mẻ, cảnh quan đa dạng, tạo thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng,... nhất là du lịch sinh thái.

**- Hạn chế:**

+ Địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho giao thông

+ Phải đối mặt với nhiều thiên tai, như: lũ quét, sạt lở,…

**\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng:**

**- Thế mạnh:**

+ Địa hình bằng phẳng, đất màu mỡ, nguồn nước dồi dào, dân cư đông đúc nên thuận lợi phát triển các ngành kinh tế.

+ Đối với ngành nông nghiệp, thuỷ sản: Khu vực đồng bằng là vùng trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản,... chủ yếu của cả nước.

+ Khu vực đồng bằng thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú nên hình thành nhiều trung tâm kinh tế lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh,...

**- Hạn chế:**

**\* Khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa:**

**- Thế mạnh:** thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động kinh tế biển** | **Điều kiện phát triển** |
| Khai thác và nuôi trồng thủy sản và làm muối | - Có nhiều loài thuỷ sản có giá trị kinh tế cao, với trữ lượng tương đối lớn (tôm hùm, đồi mồi, yến sào,...).  - Nghề làm muối có nhiều điều kiện phát triển, nhất là vùng ven biển Nam Trung Bộ. |
| Giao thông vận tải biển | - Có nhiều vũng, vịnh để xây dựng các cảng nước sâu. |
| Khai thác năng lượng | - Có tiềm năng về dầu khí, năng lượng gió, thủy triều,… |
| Du lịch biển | - Có nhiều bãi tắm đẹp; nhiều đảo có phong cảnh đẹp, không khí trong lành. |

- **Hạn chế:**

**Nội dung: KHOÁNG SẢN VỆT NAM**

**Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản ở nước ta. Giải thích vì sao tài nguyên khoáng sản ở nước ra có những đặ điểm đo?**

- Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng do nằm ở vị trí giao nhau giữa các vành đai sinh khoáng và có lịch sử phát triển địa chất lâu dài, phức tạp.

- Phần lớn các mỏ có trữ lượng trung bình và nhỏ.

+ Các mỏ nội sinh thường hình thành ở các vùng có đứt gáy sâu, uốn nếp mạnh, có hoạt động mac-ma xảm nhập hoặc phun trào, như vùng nủi Đông Bắc, vùng núi Tây Bắc, dãy Trường Sơn,...

+ Các mỏ ngoại sinh hình thành từ quá trình trầm tích tại các vùng biến nông, vùng bờ biến hoặc các vùng trùng được bói đáp, lắng đọng vật liệu từ các vùng uốn nếp cổ có chứa quặng,....

- Một số mỏ có trữ lượng lớn như:

+ Vùng mỏ Đông Bắc với các mỏ sắt, ti tan (Thái Nguyên), than (Quảng Ninh).

+ Vùng mỏ Bắc Trung Bộ với các mỏ crôm (Thanh Hoá), thiếc, đá quý (Nghệ An), sắt (Hà Tĩnh).

**\* Giải thích tại sao tài nguyên khoáng sản nước ta có những đặc điểm đó.**

**Câu 2. Hãy phân tích đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu của Việt Nam. Giải thích nguyên nhân của sự phân bố đó.**

- Than đá: Tổng trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở bế than Quảng Ninh.

- Dầu mỏ và khí tự nhiên: Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dấu quy đối, phân bố  chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía đông nam.

- Bô-xít: Tống trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...).

- Sắt: Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).

- A-pa-tít: Tống trữ lượng khoảng 2 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Lào Cai.

- Ti-tan: Tổng trữ lượng khoảng 663 triệu tấn, phân bố rải rác ở ven biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đá vôi: Tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn, phản bố chủ yếu ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

**\* Nguyên nhân của sự phân bố đó:**

**Câu 3. Hãy phân tích vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.**

- Nước ta có nguồn tài nguyên khoảng sản khá phong phú, đa dạng, gồm: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại và khoáng sản phi kim loại. Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, bô-xít,... là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp cũng như đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

- Nhiều mỏ khoáng sản đã được phát hiện và đưa vào khai thác phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống. Tuy nhiên, khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí, nhiều nơi công nghệ khai thác còn lạc hậu,... gây lãng phí, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững. Một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt.

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

**Câu 4. Phân tích hiện trạng khai thác tài nguyên khoáng sản. Nêu biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản nước ta.**

**-** Tài nguyên khoáng sản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của đất nước, tuy nhiên, nhiều loại khoáng sản của nước ta vẫn chưa được thăm dò, đánh giá đầy đủ tiểm năng và giá trị; một số loại chưa được khai thác, sử dụng hợp lí và hiệu quả, vẫn còn tình trạng khai thác quá mức.

Công nghệ khai thác một số loại khoáng sản chưa tiên tiến, gây lãng phí tài nguyên và những hệ quả như xói mòn, trượt đất, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm đất, nước, hủy hoại môi trường.

**-** Biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản:

+ Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản Việt Nam.

+ Áp dụng các biện pháp quản lí chặt chẽ việc thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản; tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

+ Áp dụng các biện pháp về công nghệ như: sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và chế biến khoáng sản; tăng cường nghiên cứu, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế, tài nguyên năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...).

**Nội dung: KHÍ HẬU VỆT NAM**

**Câu 1. Khí hậu Việt Nam mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự phân hóa đa dạng. Các tính chất đó được biểu hiện như thế nào?**

- Tính chất nhiệt đới của khí hậu cở nước ta được biểu hiện qua các chỉ số sau:

+ Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều trên 200C, đạt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới.

+ Tổng lượng bức xạ nhận được lớn, cán cân bức xạ quanh năm dương (khoảng 75kcal/cm2/năm).

+ Số giờ nắng từ 1400 – 3000h/năm.

- Tính chất ẩm:

+ Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 – 2000 mm/năm.

+ Độ ẩm không khí > 80%.

- Tính chất gió mùa: Một năm có 2 mùa gió:

+ Gió mùa đông (tháng 11- tháng 4 năm sau): lạnh, khô. Miền Bắc chịu ảnh hưởng của khối khí lạnh từ phía Bắc. Từ phía nam dãy Bạch Mã trở vào, Tín phong bán cầu Bắc có hướng đông bắc chiếm ưu thế.

+ Gió mùa hạ (từ tháng 5 - tháng 10): nóng, ẩm, chủ yếu có hướng tây nam.

**Câu 2. Trình bày sự phân hóa khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) ở hai trạm khí tượng: Lào Cai, Sa Pa. Chứng minh sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam.**



**-** Sự phân hóa khí hậu ở hai trạm khí tượng Lào Cai và Sa Pa:

* **Trạm khí lượng Lào Cai:**

- Nhiệt độ trung bình: 22 độ C/năm

- Lượng mưa trung bình: 1765mm/năm

* **Trạm khí tượng Sa Pa:**

- Nhiệt độ trung bình: 15,5 độ C/năm

- Lượng mưa trung bình: 2674mm/năm

=> Nhận xét: Khí hậu có sự phân hóa theo độ cao. Ở độ cao 104m (Trạm khí tượng Lào Cai): nhiệt độ trung bình năm cao hơn và lượng mưa trung bình thấp hơn ở độ cao 1583 m (Trạm khí tượng Sa Pa).

\* Chứng minh khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng theo chiều bắc - nam, đông - tây và theo độ cao.

**\* Những nhân tố chủ yếu  làm cho thời tiết, khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng:**

**Câu 3. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét sự khác nhau về chế độ nhiệt (nhiệt độ trung bình năm; nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất, lạnh nhất; biên độ nhiệt độ năm) giữa Lạng Sơn và Cà Mau.**

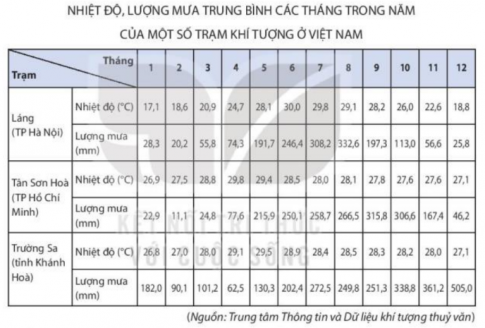


|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lạng Sơn** | **Cà Mau** |
| Nhiệt độ trung bình năm | 21,5 độ C | 27,5 độ C |
| Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất | 27,2 độ C | 29 độ C |
| Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất | 13,3 độ C | 26,2 độ C |
| Biên độ nhiệt năm | 13,9 độ C | 2,8 độ C |

\***Nhận xét:** Lạng Sơn có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn Cà Mau. Biên độ nhiệt trong năm ở Lạng Sơn cao hơn ở Cà Mau rất nhiều.

=> Lạng Sơn có một mùa đông lạnh, Cà Mau quanh năm nhiệt độ cao.

**Câu 4. Cho bảng số liệu sau:**



Hãy:

- Vẽ biểu đồ khí hậu: nhiệt độ trung bình các tháng thể hiện bằng đường, lượng mưa các tháng thể hiện bằng cột.

- Nhận xét biểu đồ:

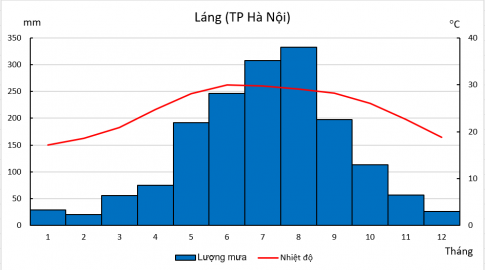
+ Nhiệt độ trung bình năm

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm

+ Tổng lượng mưa trung bình năm

+ Thời gian mùa mưa (mùa mưa là thời gian có 3 tháng liên tục trở lên có lượng mưa trên 100 mm)

* **Trạm Láng (Hà Nội):**



**Nhận xét biểu đồ:**

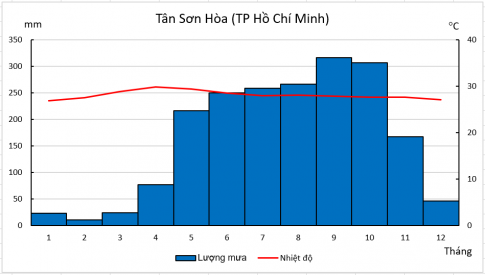
+ Nhiệt độ trung bình năm: 24.4 độ c

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm: 12.9 độ C

+ Tổng lượng mưa trung bình năm: 137.5 mm

+ Thời gian mùa mưa (mùa mưa là thời gian có 3 tháng liên tục trở lên có lượng mưa trên 100 mm): Tháng 5 đến tháng 10.

* **Trạm Tân Sơn Hòa (TP.HCM):**



**Nhận xét biểu đồ:**

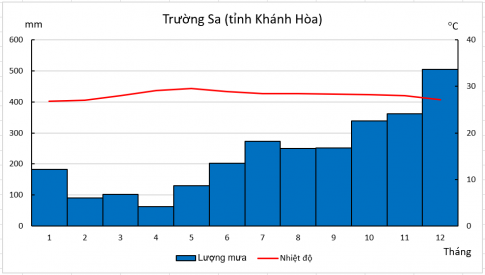
+ Nhiệt độ trung bình năm: 28.1 độ c

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm: 2.9 độ C

+ Tổng lượng mưa trung bình năm: 163.6 mm

+ Thời gian mùa mưa (mùa mưa là thời gian có 3 tháng liên tục trở lên có lượng mưa trên 100 mm): Tháng 5 đến tháng 11.

* **Trạm Trường Sa (Khánh Hòa):**



**Nhận xét biểu đồ:**

+ Nhiệt độ trung bình năm: 28.2 độ c

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm: 2.7 độ C

+ Tổng lượng mưa trung bình năm: 229 mm

+ Thời gian mùa mưa (mùa mưa là thời gian có 3 tháng liên tục trở lên có lượng mưa trên 100 mm): Tháng 5 đến tháng 1 năm sau.

**Nội dung: THUỶ VĂN VỆT NAM**

**Câu 1. Trình bày đặc điểm mạng lưới sông ngòi nước ta.**

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước, chủ yếu là sông nhỏ, chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung, một số sông chảy theo hướng tây - đông,...

- Chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta phân hai mùa rất rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn, do ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trung bình lượng nước trong mùa lũ chiếm tới 70 ~ 80% tổng lượng nước cả năm.

- Sông ngòi nước ta có nhiều nước (hơn 800 tỉ m)/năm) và lượng phù sa khá lớn (tổng lượng phù sa khoảng 200 triệu tấn/năm).

**Câu 2. Hãy phân tích đặc điểm mạng lưới và chế độ nước của các hệ thống sông ở nước ta.**

**Hệ thống sông Hồng:**

**- Đặc điểm mạng lưới:**

+ Là hệ thống sông lớn thứ 2 cả nước sau hệ thống sông Mê Kông.

+ Có 2 phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô. Các phụ lưu lớn hợp với dòng chính sông Hồng tạo thành mạng lưới sông hình nan quạt, hội tụ tại Việt Trì (Phú Thọ).

*Đoạn sông Đà chảy qua tỉnh Sơn La*

**- Chế độ nước sông:**có hai mùa rõ rệt (mùa lũ và mùa cạn)

+ Mùa lũ: bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa. Lượng nước mùa lũ chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm.

+ Mùa cạn: bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, lượng nước mùa cạn chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm.

- Do mạng lưới sông có dạng nan quạt, nên khi mưa lớn, nước tập trung nhanh, dễ gây lũ lụt.

**\* Hệ thống sông Thu Bồn:**

**- Đặc điểm mạng lưới:**

+ Có 78 phụ lưu chiều dài trên 10 km.

+ Các sông, suối trong hệ thống sông thường ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập.

+ Mạng lưới sông có dạng nan quạt.

**- Chế độ nước sông:**chia làm hai mùa rõ rệt (mùa lũ và mùa cạn)

+ Mùa lũ diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 phù hợp với mùa mưa thu đông và mùa bão, lượng nước mùa lũ chiếm khoảng 65% tổng lượng nước cả năm. Lũ tại hệ thống sông Thu Bồn lên rất nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp bão và mưa lớn.

+ Mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9, chiếm khoảng 35% tổng lượng nước cả năm.

**\* Hệ thống sông Mê Công:**

**- Đặc điểm mạng lưới:**

+ Là một trong những hệ thống sông lớn trên thế giới, chảy qua 6 quốc gia. Trong phần lưu vực trên lãnh thổ Việt Nam, sông có chiều dài hơn 230 km.

+ Sông Mê Công có nhiều phụ lưu, riêng ở Việt Nam có 286 phụ lưu, lớn nhất là sông Srê Pốk.

+ Mạng lưới sông có hình lông chim.

+ Hai chi lưu lớn ở Việt Nam là sông Tiền và sông Hậu, được chia ra thành nhiều sông nhỏ cùng hệ thống kênh rạch chằng chịt.

**- Chế độ nước sông:**chia làm hai mùa rõ rệt (mùa lũ và mùa cạn)

+ Mùa lũ: kéo dài từ tháng 7 đến tháng 11, lượng nước mùa lũ chiếm khoảng 80% tổng lượng nước cả năm. Mùa lũ nước lên và xuống chậm (nhờ mạng lưới sông dạng lông chim và được điều tiết bởi hồ Tôn-lê Sáp)

+ Mùa cạn: từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau, lượng nước mùa cạn chỉ chiếm khoảng 20% tổng lượng nước cả năm.

**Câu 3. Cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của ba hệ thông sông: Hồng, Thu Bồn, Mê Công**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hệ thống sông**  **Chế độ nước** | **Hồng** | **Thu Bồn** | **Mê Công** |
| **Thời gian mùa lũ** |  |  |  |
| **Thời gian mùa cạn** |  |  |  |

**Câu 4. Hãy phân tích vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.**

* ***Đối với sản xuất:***

- Nông nghiệp: Các hồ, đầm nước ngọt là nguồn cung cấp nước cho trồng trọt và chăn nuôi. Hồ, đầm là mặt nước tự nhiên để nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn như đấm phá Tam Giang (Thừa Thiên Huế), đầm Thị Nại (Bình Định), hồ thuỷ điện Hoà Bình,...

- Công nghiệp: Các hồ thuỷ điện (Hoà Bình, Sơn La, laly,...) là nơi trữ nước cho nhà máy thuỷ điện. Hồ cung cấp nước cho các ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, khai khoáng,...

- Dịch vụ: Một số hồ, đám thông với các sông, biến có giá trị về giao thông. Nhiều hồ, đầm có cảnh quan đẹp, hệ sinh thái với tính đa dạng sinh học cao, khí hậu trong lành được khai thác để phát triển du lịch, như hồ Tơ Nưng (Gia Lai), hồ Ba Bế (Bắc Kạn),...

* ***Đối với sinh hoạt:***

**Câu 5. Hãy phân tích vai trò của nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.**

Nước ngầm có vai trò quan trọng đối với sản xuất và sinh hoạt của con người.

* ***Đối với sản xuất:***

- Nông nghiệp: Nước ngầm cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản,...) đặc biệt với các vùng khan hiếm nước mặt như Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

- Công nghiệp: Nước ngắm được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất giấy,...

- Dịch vụ: Một số nguồn nước nóng, nước khoáng được khai thác để chữa bệnh và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

* ***Đối với sinh hoạt:*** Nước ngầm là nguồn nước quan trọng phục vụ cho sinh hoạt của người dân ở nước ta.

**Câu 6. Hãy lấy ví dụ chứng ming tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông của nước ta.**

**Câu 7. Hãy trình bày mối quan hệ giữa chế độ mưa và chế độ nước của hệ thống sông lớn ở nước ta.**

- Các sông có nguồn cung cấp nước là mưa nên chế độ nước theo sát chế độ mưa, mùa

**Nội dung: Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta**

**Câu 1. Khí hậu và nguồn nước là những yếu tố có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. Hãy lấy ví dụ về ảnh hưởng của khí hậu và nguồn nước đối với hoạt động sản xuất ở nước ta.**

- Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa giúp phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với các sản phẩm nông sản của miền nhiệt đới. -> Sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến nước ta: cà phê, cao su, chè,...

- Nguồn nước: là điều kiện quan trọng cho việc phân bố các xí nghiệp của nhiều ngành công nghiệp như luyện kim (đen và màu), dệt, nhuộm, giấy, hóa chất, chế biến thực phẩm,... Ớ những vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, lại chảy trên những địa hình khác nhau tạo nên nhiều tiềm năng cho công nghiệp thủy điện.

**Câu 2. Hãy phân tích ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.**

* **Tích cực:**
* **Hạn chế:**

- Nhiều thiên tai (bão, lũ, hạn hán, sương muối,...) gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

- Môi trường nóng ẩm => sâu, bệnh phát triển.

**Câu 3. Hãy lấy ví dụ để phân tích vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta.**

- Ở khu vực đồi núi, sự phân hoá của khí hậu theo độ cao tạo điều kiện phát triển các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, tham quan, khám phá,... Các vùng núi cao có khí hậu mát mẻ quanh năm, không khí trong lành là cơ sở để tạo nên các điểm du lịch, như: Sa Pa (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Bà Nà (Đà Nẵng), Đà Lạt (Lãm Đồng),... Một số điểm thăm quan ở Sa Pa còn có tuyết rơi vào mùa đông.

-

**Câu 4. Hãy lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.**

- Ở lưu vực sông Hồng có các hồ chứa nước được xây dựng với nhiều mục đích: phát triển thuỷ điện, giao thông đường thuỷ, du lịch, cung cấp nước cho sản xuất (trồng trọt, nuôi trồng và đánh bát thuỷ sản,...) và sinh hoạt,... Các hồ chứa nước này góp phần quan trọng vào việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông Hồng, đồng thời bảo vệ tài nguyên nước trước nguy cơ suy giảm về chất lượng và số lượng.

-

**Câu 5. Sự phân hóa khí hậu ở nước ta có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động du lịch.**

-

- Phân hóa khí hậu giữa 2 miền Bắc - Nam ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch:

+ Miền Bắc: do nằm ở vĩ độ cao hơn nên có mùa đông lạnh, mùa hạ mát mẻ, nắng nhiều => Các hoạt động du lịch biển thưởng chỉ diễn ra vào mùa hè.

+ Miền Nam: biên độ nhiệt năm thấp, nắng nhiều, nhiệt độ trung bình thường trên 25 độ C => hoạt động du lịch biển có thể diễn ra quanh năm.

**Nội dung: Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam**

**Câu 1. Việt Nam là quốc gia chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu có tác động trực tiếp đến khí hậu, thủy văn, từ đó tác động đến đời sống và các hoạt động sản xuất. Theo em, các yếu tố nào của khí hậu, thủy văn chịu tác động của biến đổi khí hậu?**

- Biến đổi nhiệt độ, lượng mưa, gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan

- Lưu lượng nước và chế độ nước sông

**Câu 2. Hãy phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu nước ta.**

-

- Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lớn, bão, lũ, rét đậm,...; số ngày nắng nóng có xu hướng tăng; số ngày rét đậm, rét hại biến động mạnh; số lượng các cơn bão mạnh tăng.

=> Biến đổi khí hậu khiến thời tiết trở nên khắc nghiệt hơn.

**Câu 4. Hãy phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy văn nước ta.**

Biến đổi khí hậu có tác động lớn đến thuỷ văn nước ta, đặc biệt tới lưu lượng nước và chế độ nước sông:

- Tổng lượng mưa trung bình năm biến động => lưu lượng nước sông cũng biến động theo.

-

**Câu 5. Hãy lấy ví dụ cụ thể một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.**

Một số giải pháp có thế thực hiện để góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu như:

-

- Giảm thiểu và xử lí rác thải, chất thải: phân loại rác, bỏ rác đúng nơi quy định,...

**Ví dụ:** Phần lớn điện và nhiệt chúng ta sử dụng được sản xuất từ than, dầu và khí đốt. Tiêu thụ ít năng lượng hơn bằng cách hạ nhiệt độ sưởi và tăng nhiệt độ làm mát, chuyển sang sử dụng bóng đèn LED và các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng, giặt đồ bằng nước lạnh hoặc phơi khô đồ thay vì dùng máy sấy; Sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời thay cho bình sử dụng điện thông thường;...

Câu 6. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm giai đoạn 1958 - 2018 của ba trạm khí tượng.



Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm của 3 trạm khí tượng:

* **Trạm Láng (Hà Nội):**

- Từ năm 1958 - 1980: Nhiệt độ trung bình có xu hướng giảm nhẹ.

- Từ năm 1980 - 2018: Nhiệt độ trung bình liên tục tăng, từ 23,6 lên 24,7 (tăng1,1 độ C)

* **Trạm Đà Nẵng:**

- Từ năm 1958 - 1980: Nhiệt độ trung bình năm biến đổi không nhiều

- Từ năm 1980 - 2018: nhiệt độ trung bình tăng từ 25,7 lên 26,3 (tăng 0,8 độ C)

* **Trạm Tân Sơn Hòa (Tp.HCM):**

- Từ năm 1958 - 1980: Nhiệt độ trung bình năm chênh lệch không nhiều.

- Từ năm 1980 - 2018: nhiệt độ trung bình tăng từ 27,2 lên 28,5 (tăng 1.3 độ C)

=> Từ năm 1980 trở lại đây, nhiệt độ trung bình năm đều tăng trên phạm vi cả nước.

**Câu 7. Hãy nêu một số hành động cụ thể em có thể làm để ứng phó với biến đổi khí hậu.**

Một số hành động cụ thể em có thể làm để ứng phó với biến đổi khí hậu:

-

- Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng.

**Chuyên đề: ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG, SINH VẬT VIỆT NAM**

**Nội dung: THỔ NHUỠNG VIỆT NAM**

**Câu 1. Hãy chứng minh tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng nước ta.**

- Tính chất nóng ẩm => quá trình phong hóa đá mẹ diễn ra mạnh mẽ => lớp phủ thổ nhưỡng dày.

-

- Lượng mưa lớn tập trung chủ yếu vào 4 - 5 tháng mùa mưa => Đất bị xói mòn, rửa trôi theo các dòng chảy ra sông ngòi và bồi tụ ở vùng đồng bằng, hình thành đất phù sa.

**Câu 2. Trình bày đặc điểm phân bố của 3 nhóm đất chính ở nước ta.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Đặc điểm** | **Phân bố** |
| Đất feralit (chiếm 65% diện tích đất tự nhiên) |  |  |
| Đất mùn núi cao (chiếm 11% diện tích đất tự nhiên |  |  |
| Đất bồi tụ phù sa sông và biển (chiếm 24% diện tích đất tự nhiên) | Nhìn chung rất phì nhiêu, tơi xốp, ít chua, giàu mùn, giữ nước tốt,... | Ở các vùng đồng bằng và ven biển (đất trong đê, đất ngoài đê khu vực sông Hồng: đất phù sa cổ miền Đông Nam Bộ; đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu; đất chua, mặn, phèn ở các vùng trũng Tây Nam Bộ...). |

**Câu 3. Phân tích đặc điểm và giá trị sử dụng của nhóm đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.**

**- *Trong lâm nghiệp:*** Đất feralit thích hợp để phát triển rừng sản xuất với các loại cây như thông, bạch đàn, xà cừ, keo,... và nhiều loại cây gỗ lớn khác, cụng cấp nguyên liệu cho cỏng nghiệp chế biến gỗ.

***- Trong nông nghiệp:*** Đất feralit được khai thác và sử dụng chủ yếu để trồng các loại cây công nghiệp lâu năm như chè, cà phê, cao su, hồ tiêu,... cây dược liệu như quế, hồi, sâm,... Ngoài ra, đất feralit cũng thích hợp để trồng các loại cảy ăn quả như bưởi, cam, vải, xoài, nhân, sầu riêng, chôm chôm,...

**Câu 4. Phân tích đặc điểm và giá trị sử dụng của nhóm đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.**

***- Trong nông nghiệp:***phù hợp sản xuất cây lương thực (lúa, ngô,...) , cây công nghiệp hàng năm (dâu tằm, thuốc lá, bông,...) và cây ăn quả.

***- Trong thủy sản:***

**Câu 5. Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất. Nêu một số giải pháp được sử dụng để chống thoái hóa đất.**

**\*** Diện tích đất bị thoái hóa ở Việt Nam là khoảng 10 triệu ha (chiếm 30% diện tích đất cả nước):

- Nhiều diện tích đất ở trung du và niềm núi bị rửa trôi, xói mòn, bạc màu, nghèo dinh dưỡng; nguy cơ hoang mạc hóa có thể xảy ra ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

- Đất ở nhiều vùng cửa sông, ven biển bị suy thoái do nhiễm mặn, nhiễm phèn, ngập úng. Diện tích đất phèn, đất mặn ngày càng tăng.

**\*** Để giảm thiếu tình trạng thoái hoá đất và bảo vệ môi trường đất có thế thực hiện một số biện pháp:

**Câu 6. Hoàn thành bảng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Giá trị sử dụng** |
| Đất feralit |  |
| Đất phù sa |  |

**Câu 7. Giải thích vì sao quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của nước ta?**

- Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm. Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nên đây là quá trình hình thành đất đặc trưng cho khí hậu nước ta.

-

**Câu 8. Hoàn thành các nhóm đất chính vùng đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm đất chính** | **Đặc điểm** |
| Nhóm đất phù sa ngọt | * Diện tích 1,2 triệu ha (chiếm hơn 30% diện tích tự nhiên của đồng bằng). * Là loại đất tốt nhất, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. * Phân bố thành một dải dọc sông Tiền và sông Hậu, ngoài phạm vi tác động của thủy triều. |
| Nhóm đất phèn | * Diện tích lớn nhất với hơn 1,6 triệu ha (41% diện tích tự nhiên của đồng bằng). * phần lớn đã được cải tạo để trồng lúa, cây ăn quả… * Phân bố tập trung ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và vùng trung tâm bán đảo Cà Mau |
| Nhóm đất mặn | * Diện tích: gần 75 vạn ha (19% diện tích tự nhiên của đồng bằng). * Đang được cải tạo dần để trồng lúa, cói kết hợp nuôi thủy sản và trồng rừng. * Phân bố thành một dải ven Biển Đông và ven vịnh Thái Lan |

**Câu 9. hãy trình bày đặc điểm, sự phân bố và giá trị sử dụng của đất fe-ra-lit trong sản xuất nông, lâm nghiệp ở nước ta.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Đặc điểm** | **Phân bố** |
| Đất feralit (chiếm 65% diện tích đất tự nhiên) | - Đất chua, nghèo mùn, nhiều sét.  - Có màu đỏ, vàng do có nhiều hợp chất sắt, nhôm. |  |
| Đất mùn núi cao (chiếm 11% diện tích đất tự nhiên | Xốp, nhiều mùn, có màu đen hoặc nâu |  |
| Đất bồi tụ phù sa sông và biển (chiếm 24% diện tích đất tự nhiên) | Nhìn chung rất phì nhiêu, tơi xốp, ít chua, giàu mùn, giữ nước tốt,... |  |

- Trong lâm nghiệp: Đất feralit thích hợp để phát triển rừng sản xuất với các loại cây như thông, bạch đàn, xà cừ, keo,... và nhiều loại cây gỗ lớn khác, cụng cấp nguyên liệu cho cỏng nghiệp chế biến gỗ.

- Trong nông nghiệp: Đất feralit được khai thác và sử dụng chủ yếu để trồng các loại cây công nghiệp lâu năm như chè, cà phê, cao su, hồ tiêu,... cây dược liệu như quế, hồi, sâm,... Ngoài ra, đất feralit cũng thích hợp để trồng các loại cảy ăn quả như bưởi, cam, vải, xoài, nhân, sầu riêng, chôm chôm,...

**Câu 10. Hãy trình bày đặc điểm, sự phân bố và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản ở nước ta.**

- Đặc điểm của  đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản ở nước ta:

+ Là môi trường sống không thể tách rời của bất kỳ loài cây nào sống trên đất. Đất phù sa chính là chất nền cho thực vật bám rễ, hút nước, chất dinh dưỡng để nuôi sinh khối thân, lá, hoa và quả.

+ Khả năng giữ nước vừa phải không quá kém như đất cát hay quá chặt như đất sét nên giúp cây hấp thụ được nhiều dưỡng chất hơn, góp phần đẩy nhanh quá trình sinh trưởng, cho năng suất cao, đem lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

+ Đất phù sa không lẫn các tạp chất ảnh hưởng tới sự phát triển của cây. Trong đất phù sa có chứa các thành phần tự nhiên là đất sét, keo đất khả năng giữ nước trong đất lâu nhưng lượng đất vừa phải để không làm cây bị ngập úng.

+

+ Có đê sông ngăn lũ vững chắc, chia cắt bề mặt đồng bằng thành nhiều ô, thấp hơn so với mực nước sông ngoài đê từ 3 – 7 mét.

+ Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa, nên có các khu ruộng cao bạc màu và có các ô trũng ngập nước, vùng ngoài đê được bồi tụ phù sa hàng năm.

+ Diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng khoảng 760.000 ha, trong đó có 70% là đất phù sa màu mỡ, có giá trị lớn trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đất nông nghiệp chiếm tới 51.2% diện tích cả vùng.

-

**Nội dung: SINH VẬT VIỆT NAM**

**Câu 1. Hãy chứng minh sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.**

Sự phong phú và đa dạng của sinh vật Việt Nam thể hiện ở sự đa dạng về thành phần loài, gen di truyền và kiểu hệ sinh thái.

**- Sự đa dạng về thành phần loài, gen di truyền:**

Việt Nam là một trong 16 quốc gia sở hữu sự đa dạng sinh học cao nhất thế giới với hơn 50 000 loài đã được xác định. Trong đó, có nhiều loài thực vật quý hiếm (trầm hương, trắc, sâm Ngọc Linh, gõ đỏ, nghiến, cẩm lai, vàng tâm, gụ,...) và động vật quý hiếm (sao la, voi, bò tót, hươu xạ, voọc, trĩ, công,...).

Số lượng cá thể trong mỗi loài tương đối phong phú, tạo nên sự đa dạng về nguồn gen di truyền.

**- Sự đa dạng về kiểu hệ sinh thái:**

Các hệ sinh thái ở nước ta rất phong phú và đa dạng, bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn, các hệ sinh thái tự nhiên dưới nước và các hệ sinh thái nhân tạo.

+ Các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn bao gồm các kiểu hệ sinh thái rừng khác nhau, phổ biến nhất là rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa với lớp phủ thực vật rậm rạp nhiều tầng, thành phần loài phong phú. Ngoài ra, còn có các hệ sinh thái trảng cỏ cây bụi, rừng cận nhiệt, rừng ôn đới núi cao,...

+ Các hệ sinh thái tự nhiên dưới nước bao gồm hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt. Hệ sinh thái nước mặn: rừng ngập mặn, cỏ biển, rạn san hô,...; hệ sinh thái biển chia thành các vùng theo độ sâu; Các hệ sinh thái nước ngọt ở sông, suối, hồ,...

+ Các hệ sinh thái nhân tạo ngày càng mở rộng.

**Câu 2. Hãy chứng minh tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.**

Tính đa dạng sinh học ở nước ta đang ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng, nên việc bảo tồn đa dạng sinh học đã trở thành vấn đề cấpt thiết ở nước ta hiện nay:

- Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật: số lượng cá thể các loài thực vật, động vật hoang dã suy giảm nghiêm trọng, một số loài thực, động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

- Suy giảm hệ sinh thái: Các hệ sinh thái rừng nguyên sinh, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái biển đứng trước nguy cơ bị tàn phá bởi con người.

- Suy giảm nguồn gen: Suy giảm số lượng cá thể và suy giảm số lượng loài => Suy giảm nguồn gen.

**Câu 3. Cho bảng số liệu sau:**

DIỆN TÍCH RỪNG TỰ NHIÊN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **1983** | **2020** |
| Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha) | 14,3 | 6,8 | 10,3 |

Hãy nhận xét sự biến động diện tích rừng tự nhiên của Việt Nam của Việt Nam giai đoạn 1943 - 2020.

**- Trong giai đoạn 1943 - 1983:**

**- Trong giai đoạn 1983 - 2020:**

**Câu 4. Cho bảng số liệu: Diện tích rừng của nước ta, giai đoạn 1943 – 2021 (Đơn vị: triệu ha)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **1983** | **1995** | **2005** | **2010** | **2021** |
| Tổng diện tích rừng | 14,3 | 7,2 | 9,3 | 12,7 | 13,4 | 14,8 |
| Rừng tự nhiên | 14,3 | 6,8 | 8,3 | 10,2 | 10,3 | 10,2 |
| Rừng trồng | 0 | 0,4 | 1,0 | 2,5 | 3,1 | 4,6 |

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy nhận xét về sự thay đổi điện tích rừng của nước ta trong giai đoạn 1943 — 2021. Nguyên nhân nào dẫn đên sự thay đổi đó?

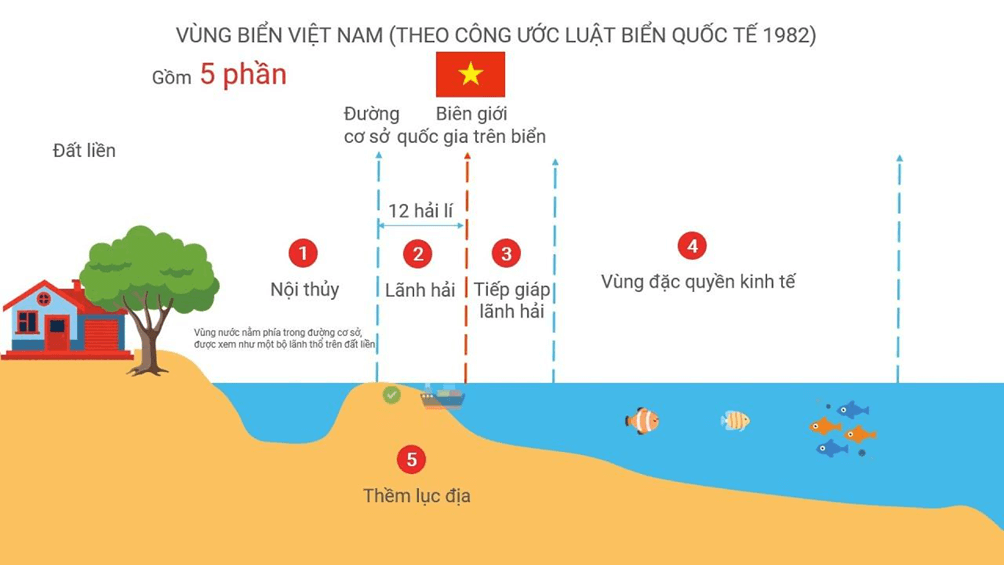
**- Trong giai đoạn 1943 - 1983:**

**- Trong giai đoạn 1983 - 2021:**

=> Trong giai đoạn này, diện tích rừng đã có sự cải thiện do con người có những biện pháp canh tác hợp lí, bảo vệ và cải tạo rừng có hiệu quả.

**Chuyên đề: BIỂN ĐẢO VIỆT NAM**

**Câu 1. Quan sát các hình sau, hãy xác định: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.**



**Hãy trình bày các khái niệm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.**

Biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km2.

- Việt Nam có các vùng biển là: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

- **Nội thuỷ:** vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

**- Lãnh hải:** vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

**- Vùng tiếp giáp lãnh hải:** vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

**- Vùng đặc quyền kinh tế:** vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

**- Thềm lục địa Việt Nam:** đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

- **Phạm vi của Biển Đông:**

+ Biển Đông là một biển nửa kín, nằm ở rìa Tây Thái Bình Dương trải rộng từ vĩ độ 30 N đến vĩ độ 260 B và từ kinh độ 1000Đ đến 1210Đ.

+ Biển Đông có diện tích khoảng 3,44 triệu km2 (lớn thứ 2 ở Thái Bình Dương và thứ ba trên thế giới).

+ Biển Đông có hai vịnh lớn là Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan.

**- Các nước có chung Biển Đông với Việt Nam** là: Trung Quốc, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lay-xia, Xing-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.

**Câu 2. Hãy trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu và hải văn ở vùng biển đảo nước ta.**

* **Địa hình:**

- Các dạng địa hình ven biển rất đa dạng: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu, cồn cát, đầm phá,...

- Địa hình thềm lục địa có sự tiếp nối với địa hình trên đất liền: nông, bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miền Trung.

- Địa hình đảo: hệ thống đảo ven bờ tập trung ở vùng biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang,...

+ Ở phía bắc: các đảo, quần đảo thường có cấu tạo từ đá vôi với các dạng địa hình các-xtơ.

+ Ở phía nam: nhiều đảo, quần đảo lớn có nguồn gốc hình thành từ san hô.

* **Khí hậu:** mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

- Nhiệt độ không khí trung bình năm của vùng biển dao động từ 23 - 28°C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở vùng biển đảo nhỏ hơn trên đất liền.

- Hướng gió thay đổi theo mùa: từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, gió mùa mùa đông và Tín phong có hướng đông bác chiếm ưu thế; từ tháng 5 đến tháng 9, gió mùa hướng đông nam chiếm ưu thế. Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền rõ rệt.

- Lượng mưa trên biển thường nhỏ hơn trên đất liền, khoảng trên 1 100 mm/năm; các đảo có lượng mưa lớn hơn.

- Vùng biển nước ta là nơi chịu nhiều thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc,... Trung bình mỗi năm có 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng biển Việt Nam.

* **Hải văn:**

- Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình năm khoảng 23°C.

- Độ muối trung bình của vùng biển Việt Nam khoảng 32%o - 33%o, có sự biến động theo mùa và theo khu vực.

- Dòng biển ven bờ có sự thay đổi theo mùa, cả về hướng chảy và cường độ.

+ Mùa đông: dòng biển có hướng đông bắc - tây nam;

+ Mùa hạ: dòng biển chảy theo hướng ngược lại, là tây nam - đông bắc.

- Trên vùng biển Việt Nam còn xuất hiện các vùng nước trồi, vận động theo chiều thẳng đứng, kéo theo nguồn dinh dưỡng cho các loài sinh vật biển.

-  Chế độ thuỷ triều dọc bờ biển Việt Nam rất đa dạng, gồm: nhật triểu đều, nhật triểu không đều, bán nhật triều và bán nhật triểu không đều.

**Câu 3. Hãy cho biết sự khác nhau về hướng chảy của dòng biển mùa đông và dòng biển mùa hạ trên Biển Đông.**

**Câu 4. Hãy giải thích vì sao Biển Đông là biển tương đối kín.**

Biển đông là vùng biển tương đối kín là nhờ được bao quanh bởi các vòng cung đảo, vùng biển được bao bọc 4 phía bởi lục địa châu Á, các quần đảo Philipin, Malaixia và Inđônêxia, chỉ thông ra Thái Bình Dương và các biển lân cận bằng những eo biển hẹp.

**Câu 5. Hoàn thành bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bộ phận vùng biển Việt Nam** | **Phạm vi** |
| Nội thủy | Vùng nước tiếp giáp với đất liền và ở phía trong đường cơ sở. |
| Lãnh hải | Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí, tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải được coi là đường biên giới quốc gia trên biển. |
| Vùng tiếp giáp lãnh hải | Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí, tính từ ranh giới phía ngoài của lãnh hải ra phía biển. |
| Vùng đặc quyền kinh tế | Vùng biển phía ngoài lãnh hải, hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí, tính từ đường cơ sở. |
| Thềm lục địa | gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam. |

**Câu 6. Hãy thu thập thông tin về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật biển năm 1982.**

- Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển bao gồm: (i) Nội thủy (vùng biển nằm phía bên trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải) và (ii) Lãnh hải (vùng biển rộng 12 hải lí phía ngoài đường cơ sở). Các vùng biển này có quy chế pháp lí như lãnh thổ lục địa. Điều này có ý nghĩa là quốc gia ven biển có quyền thực thi chủ quyền của mình tại vùng biển này như đối với lãnh thổ đất liền (trừ quyền qua lại vô hại lãnh hải của tàu thuyền nước ngoài).

- Đường cơ sở là đường dùng để xác định chiều rộng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của quốc gia ven biển. Trong những điều kiện thông thường, các quốc gia ven biển có thể lấy ngấn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển làm đường cơ sở. Trong một số điều kiện đặc biệt (như có sự hiện diện của 1 chuổi đảo ven bờ, bờ biển bị lồi lõm liên tục…), quốc gia ven biển có thể chọn một số điểm thích hợp làm điểm cơ sở và nối những điểm này thành đường cơ sở (đường cơ sở thẳng). Quốc gia ven biển cũng có thể kết hợp cả 2 phương pháp xác định đường cơ sở nêu trên.

- Nội thủy là toàn bộ vùng nước tiếp giáp với bờ biển và nằm phía trong đường cơ sở. Tại nội thủy, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối như đối với lãnh thổ đất liền của mình.

- Chủ quyền quốc gia ven biển đối với lãnh hải không phải tuyệt đối như đối với nội thủy, do Công ước 1982 thừa nhận quyền qua lại vô hại lãnh hải của tàu thuyền nước ngoài. Đây chính là sự thỏa hiệp giữa các quốc gia ven biển và các cường quốc hàng hải trong việc thừa nhận quốc gia ven biển có vùng lãnh hải rộng 12 hải lí (trước đây, thông thường lãnh hải của quốc gia ven biển chỉ rộng 3 hải lí).

- Trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển, tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển, trong những điều kiện do các quy định thích hợp của Công ước, đều được hưởng 3 quyền tự do cơ bản sau đây:

+ Quyền tự do hàng hải;

+ Quyền tự do hàng không;

+ Quyền tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm.

- Theo quy định của Công ước 1982, quốc gia ven biển có chủ quyền đối với việc thăm dò, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa của mình và quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa là đặc quyền. Có nghĩa là, quốc gia ven biển không thăm dò, khai thác thì cũng không ai có quyền khai thác tại đây nếu không được sự đồng ý của quốc gia ven biển. Các quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa không phụ thuộc vào việc chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa, cũng như vào bất cứ tuyên bố rõ ràng nào.

- Trong trường hợp bờ ngoài của rìa thềm lục địa của quốc gia ven biển mở rộng quá khoảng cách 200 hải lí thì quốc gia ven biển có quyền yêu sách vùng thềm lục địa kéo dài thông qua việc đệ trình Ủy ban ranh giới thềm lục địa báo cáo quốc gia chứng minh phần thềm lục địa này là phần kéo dài tự nhiên của lục địa. Báo cáo cần tuân thủ các hướng dẫn về kỹ thuật, pháp lí của Ủy ban ranh giới thềm lục địa.

- Biển cả là vùng biển nằm ngoài các vùng biển thuộc phạm vi chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển. Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia có biển hoặc không có biển. Ở biển cả, các quốc gia đều có quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp và ống ngầm, đánh bắt cá, nghiên cứu khoa học… Tuy nhiên, các quốc gia khi hoạt động ở biển cả cần tôn trọng lợi ích của các quốc gia khác cũng như cần tuân thủ các quy định có liên quan của Công ước như: Bảo vệ môi trường biển, bảo tồn tài nguyên sinh vật biển, an toàn hàng hải, hợp tác trấn áp cướp biển…

- Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc xung quanh và phải luôn nổi trên mặt nước. Các đảo được quyền có các vùng biển như đối với đất liền. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 121 của Công ước 1982, “đá” không thích hợp cho con người sinh sống hoặc không có đời sống kinh tế riêng thì không được quyền có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**Câu 7. Chứng minh Biển Đông là biểu tượng đối kín và biển ấm.**

Biển Đông là biển rộng và tương đối kín vì:

- Diện tích Biển Đông là 3,447 triện km2, đứng thứ 2 về diện tích trong các biển Thái Bình Dương.

**Câu 8. Nêu đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam.**

-

- Môi trường biển không chia cắt được.

- Môi trường đảo biệt lập với đất liền, có diện tích nhỏ.

**Câu 9. Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. Bản thân em có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo.**

**-** Chất lượng môi trường nước biển của nước ta có xu hướng giảm do chịu tác động mạnh của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven bờ. Ngoài ra, biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng có tác động xấu đến môi trường biển đảo.

- Để bảo vệ môi trường biển đảo cần kết hợp nhiều giải pháp như: xây dựng cơ chế chính sách, luật bảo vệ môi trường biển đảo; áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát và xử lí vấn đề môi trường biển đảo; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và cải thiện môi trường biển đảo,...

\* Học sinh có thể tham gia với các hành động sau:

**Câu 10. Hãy trình bày các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.**

- Tài nguyên sinh vật: Sinh vật ở vùng biển Việt Nam phong phú, có tính đa dạng sinh học cao: có hơn 2 000 loài cá, trong đó có khoảng 110 loài có giá trị kinh tế cao. Ngoài ra, còn có các loài động vật giáp xác, thân mềm như: tôm, mực, hải sâm,... Vùng triều ven bờ có nhiều loài rong biển được sử dụng trong công nghiệp thực phẩm và xuất khẩu.

**Câu 11. Nguyên nhân nào dẫn tới hiện tượng ô nhiễm môi trường nước biển**

- Nguyên nhân tự nhiên:  
+ Do sự bào mòn, sạt lở núi.  
+ Sự phun trào của nham thạch xuống dưới biển khiến các sinh vật biển chết, gây biến đổi nguồn nước.  
+ Khói từ núi lửa bốc lên kéo theo những cơn mưa xuống biển.  
+ Do triều cường dâng cao gây ô nhiễm dòng sông.  
+ Hòa tan muối khoáng với nồng độ cao, trong đó chứa hoạt chất gây ung thư, kim loại nặng,…  
- Nguyên nhân do con người:  
+ Con người sử dụng chất nổ, điện và các chất độc hại để đánh bắt thủy hải sản khiến các sinh vật biển chết hàng loại, làm biến đổi môi trường nước.  
+ Các rạn san hô, vùng nước lợ, rừng ngập mặn không được bảo toàn tốt sẽ gây mất cân bằng hệ sinh thái biển, làm mất môi trường sống của các loài lưỡng cư.  
+ Chất thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nông nghiệp không được xử lý đổ thẳng ra sông, ra biển gây ô nhiễm.  
+ Vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi ra sông, biển.  
+ Khai thác dầu.

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI LỊCH SỬ 8 CHƯƠNG TRÌNH MỚI**

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

**Chuyên đề 1: CHÂU ÂU VÀ BẮC MĨ TỪ NỬA SAU TK XVI ĐẾN THẾ KỈ XVII**

**Câu 1. Nguyên nhân nào dẫn tới sự bùng nổ Cách mạng tư sản Anh? Trình bày kết quả, ý nghĩa và tính chất của Cách mạng tư sản Anh? Nêu đặc điểm chính của Cách mạng tư sản Anh. Sự tham gia lãnh đạo của tầng lớp quý tộc mới có ảnh hưởng như thế nào đến kết quả của Cách mạng tư sản Anh?** Điểm khác biệt cơ bản giữa hình thức quân chủ lập hiến và quân chủ chuyên chế:

**ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC LH ZALO 0974004860**

**Câu 2. Lập bảng hệ thống về nguyên nhân, giai cấp lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa, tính chất của Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.**

**Câu 3. Em biết gì về hai nhân vật lịch sử ở các hình bên? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về những sự kiện lịch sử liên quan đến các nhân vật đó.**

**Câu 4. Nguyên nhân nào dẫn tới Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ? Theo em, xung đột quan trọng nhất giữa đế quốc Anh và nhân dân các thuộc địa ở Bắc Mỹ là gì? Hãy cho biết kết quả, ý nghĩa, tính chất của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ? Nêu đặc điểm chính của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ? Câu nào trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Hợp chúng quốc Mỹ được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn cho bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2 - 9 - 1945)? Mặt sau của đồng 2 đô-la Mỹ (USD) in hình ảnh của sự kiện nào trong Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ? Ý nghĩa của điều này là gì?**

**Câu 5. Hãy nêu nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự bùng nổ Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII. Hãy nêu kết quả của Cách mạng tư sản Pháp. Hãy cho biết ý nghĩa, tính chất, đặc điểm chính của Cách mạng tư sản Pháp.**

**Câu 6. Trong các cuộc cách mạng tư sản từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII được ví như "cái chối khổng lồ quét sạch mọi rác rưởi của chế độ phong kiến châu Âu". Em biết những thông tin gì về Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII? Vì sao cuộc cách mạng này lại được đánh giá như vậy?**

**Câu 7. Lập bảng so sánh điểm giống và khác nhau của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII về: nguyên nhân, kết quả, tính chất, ý nghĩa, đặc điểm chính.**

**Câu 8. Theo Lênin (V.I. Lênin): “Cách mạng Pháp xứng đáng là một cuộc đại cách mạng”. Em có đồng ý với nhận xét này không? Tại sao?**

**Câu 9. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 dòng) giới thiệu về sự liên quan của Quốc kì, Quốc ca nước Pháp hiện nay với Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII và ý nghĩa của điều này.**

**Câu 10.** **So sánh điểm giống và khác nhau của các cuộc cánh mạng tư sản thời cận đại.**

### Câu 11. Cách mạng tư sản có tác dụng như thế nào đối với sự phát triển lịch sử?

**Câu 12. Đến giữa thế kỉ XVI, nền quân chủ châu Âu đối mặt với nhiều thách thức: sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa; nhu cầu khẳng định vị thế chính trị của giai cấp tư sản; những tư tưởng tự do của trào lưu Khai sáng. Trong bối cảnh đó, cuộc cách mạng tư sản đầu tiên đã nổ ra ở Nê-đéc-lan. Sau Nê-đéc-lan, cách mạng diễn ra ở Anh, Mỹ, Pháp trong các thế kỉ XVII - XVIII. Vậy, nguyên nhân nào dẫn đến các cuộc cách mạng? Đặc điểm và ý nghĩa của các cuộc cách mạng đó là gì?**

**Câu 13. Cuộc cách mạng công nghiệp được những thành tựu tiêu biểu nào? Đời sống sản xuất và xã hội đã thay đổi ra sao dưới tác động của nó? / C. Mác đã từng khẳng định: Năng suất lao động là cái đảm bảo cho sự thắng lợi của trật tự xã hội này đối với một trật tự xã hội khác. Cách mạng công nghiệp diễn ra vào nửa sau thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến. Vậy cuộc cách mạng công nghiệp đạt được những thành tựu nổi bật nào và tác động ra sao đến quá trình sản xuất và đời sống xã hội?**

**Câu 14. Trình bày những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp ở Anh. Theo em, thành tựu nào là tiêu biểu nhất? Vì sao?**

**Câu 15. Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức và Mỹ.**

**Câu 16. Hãy trình bày những tác động của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và xã hội.**

**Câu 17. Lập bảng hệ thống những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX ở các nước châu Âu và Mỹ.**

**Câu 18. Có ý kiến cho rằng: "Xã hội loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp là nhờ cách mạng công nghiệp". Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?**

**Câu 19. Theo em, nếu con người không sáng tạo ra những loại máy móc dùng trong sản xuất hoặc những phương tiện giao thông hiện đại như tàu hoả, tàu thuỷ,... thì hoạt động sản xuất và cuộc sống của chúng ta sẽ thế nào?**

**Câu 20. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về một thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX và viết bài giới thiệu (khoảng 200 chữ) về thành tựu đó.**

**Chuyên đề 2. ĐÔNG NAM Á NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX**

**Câu 1. Vào thế kỉ XVI, nhiều quốc gia phong kiến ở khu vực Đông Nam Á bước vào giai đoạn suy thoái và phải đối mặt với sự xâm lược, chiếm đóng của thực dân phương Tây. Quá trình này đã diễn ra như thế nào? Dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây, tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của các nước Đông Nam Á có những điểm gì nổi bật? Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trong khu vực chống lại ách đô hộ đã diễn ra như thế nào?**

**Câu 2. hãy trình bày những nét chính trong quá trình thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX**

**Câu 3. Hoàn thành bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây theo mẫu dưới đây:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tình hình**  **chính trị** | **Tình hình**  **kinh tế** | **Tình hình**  **xã hội** | **Tình hình**  **văn hóa** |
|  |  |  |  |

**Câu 4. Em có nhận xét gì về hình thức đấu tranh và lực lượng tham gia trong phong trào của tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á?**

**Câu 5. Có ý kiến cho rằng: Các nước tư bản phương Tây xâm chiếm Đông Nam Á là để giúp đỡ những nước này thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Em đồng ý với ý kiến đó không? Hãy chứng minh cho ý kiến của em.**

Câu 6. Giải thích nguyên nhân thất bại của các cuộc đấu tranh chống thực dân phương Tây của các nước ở Đông Nam Á.

**Chuyên đề 3: CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MĨ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX**

**Câu 1. Hãy mô tả nét chính về quá trình hình thành chủ nghĩa đế quốc vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Điểm chung trong chính sách đối ngoại của các nước đế quốc là gì? Chỉ ra những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc. Theo em, đặc trưng nào là quan trọng nhất? Vì sao? Hãy kể tên một số công ti đa quốc gia có phạm vi ảnh  lớn đối với nền kinh tế nhiều nước trên thế giới hiện nay.**

**Câu 2. Hãy lập bảng so sánh (điểm giống và khác nhau) về kinh tế, chính sách đối ngoại nổi bật của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **Đế quốc Anh** | | **Đế quốc Pháp** | **Đế quốc Đức** | **Đế quốc Mĩ** | |
| Kinh tế | Giống nhau |  | | | | | |
| Khác nhau | - Đứng thứ 3 thế giới về sản xuất công nghiệp. | - Đứng thứ 4 thế giới về sản xuất công nghiệp. | |  | |  |
| Đối ngoại | | Đẩy mạnh xâm chiếm thị trường, thuộc địa trên thế giới. | | | | | |

**Câu 3: Qua tình hình các nước Anh, Pháp, Mĩ, Đức cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, hãy nêu những đặc điểm chung, nổi bật trong sự phát triển kinh tế của các nước đó? Chuyển biến quan trọng nhất trong nền kinh tế là gì? Em hiểu gì về quyền lực sự chuyển biến đó?**

**Câu 4: Tại sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa? Nêu mâu thuẫn chủ yếu giữa các đế quốc già (Anh, Pháp) và đế quốc trẻ (Mĩ, Đức)? Mâu thuẫn đó đã chi phối chính sách đối ngoại của các nước đế quốc như thế nào?**

**Câu 4: Nét mới trong phong trào công nhân những năm 1830-1840? Kết cục phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước Châu Âu nửa đầu TK XIX? Nguyên nhân thất bại? Điểm khác so với các phong trào công nhân trước đó?**

**Câu 5: Em có nhận xét gì về cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cuối TK XIX (Trình bày nguyên nhân, số lượng, quy mô, phạm vi, tính chất, hình thức đấu tranh, mục tiêu và kết quả của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX?)? Những sự kiện chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong những năm cuối TK XIX? Kết quả lớn nhất của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX là gì? Vì sao sau thất bại của công xã Pari, phong trào công nhân vẫn tiếp tục phát triển?**

**Câu 6: Qua những cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức đầu thế kỉ XX phản ánh điều gì? Nêu những ưu điểm và hạn chế của công nhân thời kì này?**

**Câu 7: Chứng minh rằng “công xã Pari là nhà nước kiểu mới”. Ý nghĩa lịch sử của công xã Pari? Nhứng điểm nào chứng tỏ công xã khác hẵn nhà nước tư sản? Vì sao công xã Pari là nước nước kiểu mới? Công xã Pari đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu gì cho giai cấp vô sản thế giới?** Theo em, chính sách nào của Hội công Công xã vẫn còn có thể được vận dụng trong xã hội hiện nay?

**Câu 8: Hãy cho biết giai cấp công nhân ra đời như thế nào?**

**Câu 9. Mô tả một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.**

**(theo gợi ý dưới đây) về những hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian** | **Địa bàn** | **Hoạt động tiêu biểu** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| 6 |  |  |  |

**Câu 11. C. Mác và Ph. Ăng-ghen có vai trò như thế nào trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? Sự ra đời của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) có giá trị gì đối với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân?**

**Câu 12. Tìm hiểu thêm về ngày Quốc tế Lao động 1 - 5 và ý nghĩa của sự kiện này trong cuộc sống hiện tại.**

**Câu 13.** Tại sao trong quá trình chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, các đế quốc đều tăng cường xâm chiếm và mở rộng thị trường, thuộc địa?

- Trong quá trình chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, các đế quốc đều tăng cường xâm chiếm và mở rộng thị trường, thuộc địa, vì: đối với các nước đế quốc, thị trường và thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Cụ thể:

+ Là nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của các nước đế quốc.

+ Là thị trường đầu tư và tiêu thụ hàng hóa, đem lại nguồn lợi nhuận khổng lồ cho các nước đế quốc.

+ Là cơ sở vững chắc cho các nước đế quốc trong các cuộc tranh chấp, chiến tranh.

**Chuyên đề 4.** **CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

**Câu 1. Trình bày nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ nhất. Hãy phân tích hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất đối với lịch sử nhân loại.**

**Câu 2. Vì sao nói Chiến tranh thế giới thứ nhất là chiến tranh đế quốc? Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dạy cho em những bài học gì để có thể góp phần giữ gìn hoà bình thế giới? Suy nghĩ về cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất**

**Câu 3. Tháng 4/1917, Mỹ bắt đầu tham chiến, Tổng thống Mỹ U.Uyn-xơn phát biểu: “... đây sẽ là trận chiến cuối cùng - trận chiến chấm dứt mọi cuộc chiến". Em có đồng ý với nhận định của ông không? Vì sao?**

**Câu 4. Tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất đến Việt Nam**

**Chuyên đề 5. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA**

**Câu 1. Trình bày nguyên nhân dẫn tới sự bùng nổ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Nêu diễn biến chính của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Hãy trình bày ý nghĩa lịch sử và tác động của Cách mạng tháng Mười Nga đối với lịch sử nhân loại. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 có ảnh hưởng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã đánh giá thế nào về vai trò của Cách mạng tháng Mười Nga?**

**Câu 2. Vì sao** **Giôn Rit đặt tên cuốn sách của mình là “Mười ngày rung chuyến thế giới”? Lê nin đóng vai trò như thế nào đối với sự thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga? Vì sao cách mạng tháng Mười Nga được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và nhân loại ở thế kỉ XX**

**Câu 3. Vì sao chế độ phong kiến Nga hoàng đã sụp đổ vào tháng 2/1917 nhưng nhân dân Nga vẫn tiếp tục làm cách mạng?**

**Câu 4. Tác động của Cách mạng tháng Mười Nga đối với Cách mạng Việt Nam**

**Chuyên đề 6. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KH-KT-VH-NT TK XVIII- XIX**

**Câu 1. Nêu những thành tựu tiêu biểu về khoa học. Phân tích tác động của các thành tựu đó đối với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII - XIX.**

**Câu 2. Nêu những thành tựu chủ yếu về kĩ thuật trong thế kỉ XIX. Phân tích tác động của những thành tựu đó đối với xã hội loài người. Hãy lựa chọn hai phát minh mà em cho rằng có tác động mạnh mẽ đến đời sống và nhận thức của con người trong thế kỉ XVIII - XIX. Phân tích sự tác động đó.**

**Câu 3. Nêu những thành tựu chủ yếu về văn học, nghệ thuật  trong thế kỉ XIX. Phân tích tác động của những thành tựu đó đối với xã hội loài người.**

**Câu 4. Các thành tựu nào của khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX vẫn còn để lại dấu ấn trong đời sống hiện tại?**

**Câu 21. Nêu hoàn cảnh lịch sử, những thành tựu chủ yếu về kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX? Ý nghĩa của những thành tựu trên? *(****Tại sao nói:“Thế kỉ XIX là thế kỉ của sắt, máy móc và động cơ hơi nước"?)*

**Chuyên đề 6. CHÂU Á TỪ NỬA SAU TK XIX ĐẾN ĐẦU TK XX**

**Câu 1.**Thực chất của Chiến tranh thuốc phiện (1840 - 1842) là gì? Quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc đã diễn ra như thế nào? Trình bày những nét chính về diễn biến, kết quả và ý nghĩa, hạn chế của Cách mạng Tân Hợi. Kết quả quan trọng nhất mà cuộc Cách mạng Tân Hợi đạt được là gì? Kết quả của cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) có đáp ứng các nội dung của chủ nghĩa Tam dân không? Vì sao nói Cách mạng Tân Hợi (1911) là cuộc cách mạng dân chủ tư sản?

**Câu 2. Hãy trình bày mục đích, nội dung chính và kết quả, ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị. Trong cuộc Duy tân Minh Trị, cải cách nào cả ý nghĩa quan trọng nhất để Nhật Bản trở thành đế quốc hùng mạnh vào đầu thế kỉ XX? Hãy trình bày những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.**

**Câu 3. Cho biết cuộc Duy tân Minh Trị và Cách mạng Tân Hợi có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? \* Một số bài học kinh nghiệm từ cuộc Duy tân Minh Trị:**

**Câu 4. Em có nhận xét gì về phương pháp và mục tiêu đấu tranh của Đảng Quốc đại?**

**Câu 5. Kể tên một số phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á vào nửa sau thế kỉ XIX. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Ả đầu thế kỉ XX có điểm gì nổi bật? Em có nhận xét gì về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.**

**Câu 6. Hãy nêu những nét chính trong phong trào đấu tranh giành độc lập của ba nước Đông Dương từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Theo em, vì sao liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia được hình thành ngay từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?**

**Câu 7. Có ý kiến cho rằng: Vào nửa sau thế kỉ XIX, thực dân phương Tây đến Ấn Độ và các nước Đông Nam Á là để “khai hoá văn minh”? Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI LỊCH SỬ 8**

**LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**Chuyên đề 1. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVII**

**Câu 1. Em hãy giải thích nguyên nhân làm bùng nổ xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn. Em hãy cho biết xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn đã gây nên hệ quả gì? Giả sử là một người dân sống ở thế kỉ XVI - XVII, em hãy đưa ra ít nhất một lí do phản đối các cuộc xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn.**

**\* Giải thích**

**\* Xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn đã gây nên hệ quả**

**- Hệ quả về chính trị:**

**\* Lí do phản đối các cuộc xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn:** xung đột kéo dài giữa các tập đoàn phong kiến sẽ làm suy kiệt sức người, sức của; tàn phá đồng ruộng, xóm làng; giết hại nhiều người dân vô tội; chia cắt đất nước và làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của quốc gia - dân tộc.

**Câu 2. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về chúa Nguyễn Hoàng và công cuộc khai phá vùng đất Đàng Trong cũng như quá trình thực thi chủ quyền biển đảo của các chúa Nguyễn.**

**Câu 3. Hãy trình bày khái quát công cuộc khai phá vùng đất phía Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII. Hãy mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của người Việt Nam trong các thế kỉ XVII - XVIII. Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào? Việc chúa Nguyễn thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa có ý nghĩa như thế nào?**

**\* Nét chính về công cuộc khai phá vùng đất phía Nam trong các thế kỉ XVI - XVIII:**

**Câu 4. Hoàn thành bảng tóm tắt về những nét chính trong kinh tế, tôn giáo và văn hóa nước ta ở các thế kỉ XVI – XVIII? Miêu tả một nét đẹp trong tín ngưỡng truyền thống của dân tộc phát triển trong thời kì này? Vì sao chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt trở thành chữ Quốc ngữ của nước ta cho đến ngày nay? Một số làng nghề thủ công ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI – XVIII? Mô tả vài nét về một làng nghề thủ công đã có từ thế kỉ XVI – XVIII. Đề xuất những giải pháp để bảo tồn làng nghề đó.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Nét chính** |
| Kinh tế | - Nông nghiệp:  + Sản xuất nông nghiệp ở cả Đàng Trong và Đàng ngoài từng bước được phục hồi và phát triển trở lại.  + Tình trạng nông dân bị chấm chiếm ruộng đất có xu hướng tăng.  - Thủ công nghiệp:  + Các nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển; xuất hiện thêm nhiều nghề thủ công mới.  + Có nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng.  - Thương nghiệp:  + Hoạt động buôn bán trong dân đã trở nên phổ biến.  + Ngoại thương phát triển mạnh.  + Nhiều đô thị ở Đàng Trong và Đàng Ngoài được hưng khởi. |
| Tôn giáo | - Đạo giáo và Phật giáo có điều kiện phục hồi.  - Nho giáo vẫn được nhà nước phong kiến duy trì.  - Thiên Chúa giáo du nhập và dần gây dựng được ảnh hưởng. |
| Văn hóa | - Chữ viết: xuất hiện loại chữ Latinh dùng để ghi âm tiếng Việt.  - Đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực: văn học, khoa học và nghệ thuật. |

**- Miêu tả tín ngưỡng thờ thành hoàng làng:**

+ Thành hoàng là người có công với dân làng như: lập làng, lập nghề, dạy học, đánh giặc, cứu người... Cũng giống như thờ cúng tổ tiên, thờ cúng Thành hoàng của người Việt vừa là tín ngưỡng, vừa là đạo lý sống của hậu thế đối với bậc tiền bối có công với làng xóm, đất nước. Nếu thờ cúng tổ tiên là đạo lý thể hiện ý thức hướng về nguồn cội của gia đình, dòng họ, thì thờ cúng Thành hoàng làng cũng là sự tôn vinh các bậc tiền bối ở cấp độ làng xã.

+ Trong tâm thức người Việt, Thành hoàng là vị thần tối linh, có thể bao quát, chứng kiến toàn bộ đời sống của dân làng, bảo vệ, phù hộ cho dân làng làm ăn phát đạt, khỏe mạnh. Các thế hệ dân cứ tiếp tục sinh sôi, nhưng Thành hoàng thì còn mãi, trở thành một chứng tích không thể phủ nhận được của một làng qua những cơn chìm nổi.

+ Thờ phụng Thành hoàng là sợi dây liên lạc vô hình, giúp dân làng đoàn kết, nếp sống cộng cảm hoà đồng, đất lề quê thói được bảo tồn.

**- Chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt trở thành chữ Quốc ngữ của nước ta cho đến ngày nay vì: loại chữ này có nhiều ưu điểm, như:**

**- Một số làng nghề thủ công ở Việt Nam được hình thành từ các thế kỉ XVI - XVIII:**

**- Mô tả vài nét về một làng nghề thủ công đã có từ thế kỉ XVI - XVIII.**

+ Làng tranh Đông Hồ thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, là làng nghề vẽ tranh dân gian nổi tiếng của Việt Nam. Cách Hà Nội chừng 33 km về hướng Đông và nằm sát bờ Nam đê sông Đuống, làng Hồ hay Đông Hồ là cái nôi của dòng tranh khắc gỗ dân gian đặc sắc được nhiều người cả trong và ngoài nước biết đến, với những bức tranh từ lâu đã đi vào đời sống tinh thần bao người dân Việt.

+ Xuất hiện từ khoảng thế kỷ XVI, tranh Đông Hồ được hình thành bằng phương pháp thủ công, là kết tinh của sự khéo léo và nhẫn nại, cộng với nghệ thuật thẩm mỹ đầy tinh tế… Đây không phải là những bức tranh được vẽ theo cảm hứng nhưng được in lại qua những bản khắc, và để có bản khắc đạt đến độ tinh xảo, đòi hỏi ở người vẽ mẫu cũng như người khắc ván phải có lòng yêu nghệ thuật và trình độ kỹ thuật cao. Tranh Đông Hồ có đến 180 loại được phân thành 5 loại chính gồm: tranh thờ, tranh lịch sử, tranh chúc tụng, tranh sinh hoạt và truyện tranh.

+ Có thể nói giai đoạn từ nửa cuối thế kỷ XIX đến năm 1944 là thời cực thịnh của làng tranh, với 17 dòng họ trong làng đều tham gia làm tranh.

+ Qua những năm kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), do chiến tranh tàn phá khốc liệt nên nghề làm tranh cũng tạm bị gián đoạn.

+ Đến khi hòa bình lập lại ở miền Bắc nhất là khi đất nước thống nhất thì làng tranh mới được khôi phục. Đáng tiếc là qua mấy chục năm đổi mới theo nền kinh tế thị trường và với sự tác động của các trào lưu nghệ thuật phương Tây, nhận thức và xu hướng xã hội cũng có sự thay đổi đẩy dòng tranh Đông Hồ đối mặt với sự tồn vong của chính mình.

**- Đề xuất biện pháp bảo tồn:**

+ Xây dựng quy hoạch tổng thể và vùng nguyên liệu ổn định cho các làng nghề.

+ Tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của các làng nghề truyền thống.

+ Phát triển làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trải nghiệm.

+ Tôn vinh các nghệ nhân; đẩy mạnh các hoạt động học hỏi, truyền nghề cho thế hệ trẻ.

+ ….

**Câu 5. Hãy nêu nhận xét về sự chuyển biến đó trong các thế kỉ XVI - XVIII. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?**

**- Nhận xét:**

+ Trong các thế kỉ XVI - XVIII, nhân dân Đại Việt đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực văn hóa, tôn giáo. Những thành tựu này là minh chứng cho tài năng, tư duy sáng tạo và sự lao động miệt mài của người dân. Nhiều thành tựu văn hóa ở thời kì này vẫn được bảo tồn, gìn giữ và sử dụng cho đến ngày nay.

+ Mặt khác, ở các thế kỉ XVI - XVIII đã diễn ra sự tiếp xúc và giao lưu giữa văn minh Đại Việt với văn minh phương Tây, đưa đến nhiều chuyển biến mới trong đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân Đại Việt.

**- Em ấn tượng nhất với thành tựu về chữ Quốc ngữ. Vì:**

+ So với các loại chữ viết trước đó (là chữ Hán và chữ Nôm), chữ Quốc ngữ có nhiều ưu điểm nổi bật, như: số lượng chữ cái ít nhưng khả năng ghép chữ linh hoạt; tiện lợi, dễ dàng ghi nhớ và có thể phổ biến trên diện rộng,…

+ Chữ Quốc ngữ vẫn được người dân Việt Nam sử dụng cho đến ngày nay.

**Câu 6. Sự mục nát của chính quyền họ Trịnh Đàng Ngoài đã dẫn đến những hậu quả gì? Em hãy cho biết phong trào nông dân Đàng Ngoài có tác động như thế nào đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.**

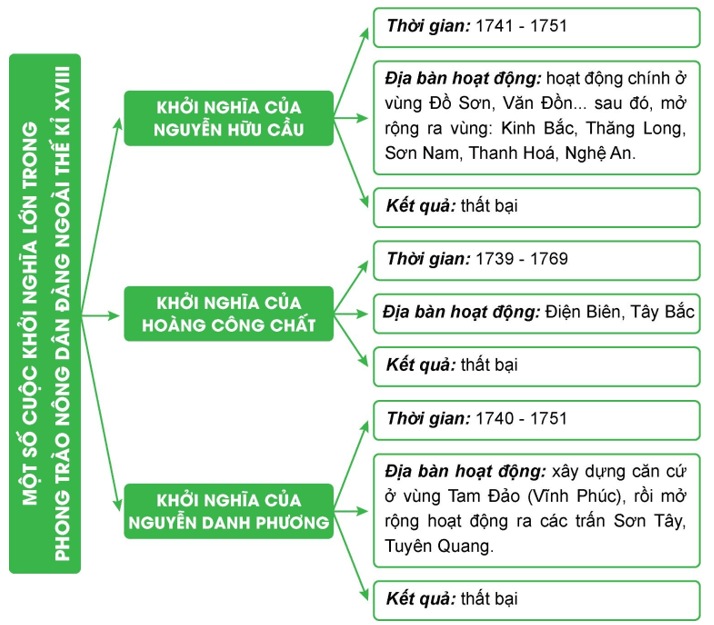
- Sự mục nát của chính quyền họ Trịnh Đàng Ngoài đã khiến cho: đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân lâm vào khổ cực, bần cùng; thúc đẩy nhân dân nổi dậy đấu tranh chống lại chính quyền phong kiến.

- Tác động của phong trào nông dân Đàng Ngoài:

+ Buộc chính quyền Đàng Ngoài phải thực hiện một số chính sách như khuyến khích khai hoang, cho nông dân lưu tán trở về quê,…

+ Làm lung lay chính quyền “vua Lê - chúa Trịnh”, chuẩn bị “mảnh đất” thuận lợi cho phong trào Tây Sơn phát triển mạnh mẽ ra Đàng Ngoài vào cuối thế kỉ XVIII.

**Câu 7.** Lập sơ đồ tư duy về một số cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào nông dân Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.



**Câu 8. Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”- là thông điệp của vua Quang Trung nói thay cho cả dân tộc trong những ngày giáp Tết năm Kỷ Dậu 1789. Biết đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích dòng họ nên phong trào Tây Sơn đã được đông đảo nhân dân ủng hộ. Vậy, tại sao phong trào bùng nổ? Những thắng lợi tiêu biểu nào đánh dấu sự nghiệp nhà Tây Sơn? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của phong trào đối với lịch sử dân tộc là gì? Việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế có ý nghĩa gì? Vua Quang Trung đã có những đóng góp gì cho lịch sử dân tộc ở thế kỉ XVIII? Vai trò của Quang Trung - Nguyễn Huệ?**

**- Ý nghĩa của việc Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế**

**\* Vai trò của Quang Trung - Nguyễn Huệ:**

+ Tham gia lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lật đổ các chính quyền Nguyễn, Trịnh, Lê; đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất đất nước.

+ Chỉ huy các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Thiết lập vương triều mới (định đô ở Phú Xuân), ban hành nhiều chính sách tiến bộ nhằm ổn định và phát triển đất nước. Trong thời gian ngắn ngủi (4 năm) kể từ khi lên ngôi hoàng đế sáng lập vương triều cho đến khi từ trần, công cuộc canh tân dựng nước cùng với những hoài bão lớn lao của vua Quang Trung tuy chưa được thực hiện đầy đủ và chưa phát huy hết tác dụng nhưng đã cho thấy tầm vóc, tài năng và ý chí của ông.

**Câu 9. Có ý kiến cho rằng: Quyết định tiêu diệt quân Thanh vào dịp Tết Kỉ Dậu (1789) thể hiện thiên tài quân sự của vua Quang Trung. Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?**

**Câu 10. Hãy lập bảng về những sự kiện chính của phong trào Tây Sơn từ năm 1771 đến năm 1789 theo các tiêu chí: thời gian, thắng lợi tiêu biểu.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Thắng lợi tiêu biểu** |
| 1771 | Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở vùng Tây Sơn thượng đạo (nay thuộc An Khê, Gia Lai). |
| 1777 | Quân Tây Sơn lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. |
| 1785 | Quân Tây Sơn giành thắng lợi quyết định trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan gần 5 vạn quân Xiêm xâm lược. |
| 1786 | Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ chúa Trịnh, rồi giao lại chính quyền cho vua Lê. |
| 1788 | Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn tiến ra Bắc, lật đổ chính quyền nhà Lê. |
| 1789 | Quân Tây Sơn giành thắng lợi quyết định trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa, đánh tan gần 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược. |

**Chuyên đề 2. VIỆT NAM TỪ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX**

**Câu 1. Hãy nêu những đóng góp của vua Gia Long và vua Minh Mạng trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.**

**Câu 2. Có quan điểm cho rằng: Nhà Nguyễn đã để lại di sản văn hoá đồ sộ. Em đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?**

**Câu 3. Hãy mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn.**

**Câu 4. Nêu cảm nghĩ của em về quá trình thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.**

**Câu 5. Sang thế kỉ XIX, tình hình châu Á và khu vực Đông Nam Á có nhiều biến động trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Trong bối cảnh đó, theo em, lịch sử Việt Nam sẽ chịu tác động và diễn ra theo chiều hướng nào? Nhà nước phong kiến có đối sách như thế nào, nhân dân ta có thái độ và hành động ra sao để đương đầu với những thử thách to lớn của lịch sử?**

**Câu 6. Nêu nét chính về quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống Pháp của quân dân ta từ năm 1858 đến năm 1862.**

**Câu 7. Hậu quả của Hiệp ước Nhâm Tuất:**

**Câu 8. Nêu khái quát cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Kì từ năm 1862 đến năm 1874.**

**Câu 9. Nêu quá trình thực dân Pháp xâm lược Bắc Kì lần thứ nhất và cuộc chiến đấu của quân dân ta.**

**Câu 10. Nhận xét về Hiệp ước Giáp Tuất:**

**Câu 11. Qua việc kí kết các hiệp ước Giáp Tuất, Hác-măng và Pa-tơ-nốt, em đánh giá thế nào về thái độ của triều đình nhà Nguyễn trước cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp? So sánh hiệp ước Hác-măng và hiệp ước Pa-tơ-nốt.**

**Câu 12. Nêu nguyên nhân đề xuất và nội dung một số bản điều trần, đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước vào nửa cuối thế kỉ XIX.**

**Câu 13. Có ý kiến cho rằng: Triều đình nhà Nguyễn phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc để mất nước. Em đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?**

**Câu 14. nguyên nhân nào dẫn đến trào lưu cải cách này? Nội dung trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước là gì? Trào lưu cải cách ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX để lại những bài học gì cho chúng ta ngày nay?**

**Câu 15. Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Hãy giới thiệu về một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương. nêu nhận xét của em về phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Theo em, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương? Vì sao?**

**Câu 16. Hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây) về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cuộc khởi nghĩa, thời gian | Khởi nghĩa Ba Đình  (1886 - 1887) | Khởi nghĩa Bãi Sậy  (1883 - 1892) | Khởi nghĩa Hương Khê  (1885 - 1896) |
| Người lãnh đạo |  |  |  |
| Căn cứ, địa bàn |  |  |  |
| Kết quả |  |  |  |
| Ý nghĩa |  | | |

**Câu 17. Cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế có điểm gì giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương? Từ sự thất bại của phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế, có thể rút ra bài học gì cho công cuộc đấu tranh giành độc lập sau đó, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?**

**:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phong trào Cần vương**  **(1885 - 1896)** | **Khởi nghĩa Yên Thế**  **(1884 - 1914)** |
| Tư tưởng |  |  |
| Phương hướng đấu tranh |  |  |
| Lực lượng  lãnh đạo |  |  |
| Phạm vi,  quy mô |  |  |

**Câu 18. Em biết được điều gì về tình cảnh người lao động Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp? Hãy nêu tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với tình hình Việt Nam đầu thế kỉ XX.**

**Câu 19. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã dẫn đến những thay đổi gì trong xã hội Việt Nam?**

**Câu 20. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những giai cấp, tầng lớp cơ bản nào? Những giai cấp, tầng lớp này có địa vị khác nhau, nhưng theo em, họ có điểm gì chung?**

**Câu 21. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã có những hoạt động yêu nước nào trong những năm đầu thế kỉ XX? Tư tưởng "khai dân trí, chấn dân khí" được thể hiện như thế nào qua những hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh? Chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có điểm gì giống và khác nhau?**

**\* Điểm khác nhau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phan Bội Châu** | **Phan Châu Trinh** |
| Kẻ thù trước mắt | Thực dân Pháp xâm lược. | Chế độ phong kiến hủ bại. |
| Nhiệm vụ  trước mắt |  |  |
| Hình thức,  phương pháp  đấu tranh |  |  |

**Câu 22. Em có đồng ý với quan điểm "chi bằng học" như là con đường ưu tiên để giành lấy độc lập tự do của dân tộc vào đầu thế kỉ XX không? Vì sao?**

**Câu 23. Em hãy nêu những sự kiện chính trong quá trình hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1908 đến năm 1917. Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối?**

**Câu 24. Thông qua việc tìm hiểu về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, em rút ra được bài học gì cho bản thân? Thế hệ trẻ làm gì để học tập theo gương Bác?**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI ĐỊA LÍ 9 CHƯƠNG TRÌNH 2018**

**Đáp án chi tiết: Zalo 0974004860**

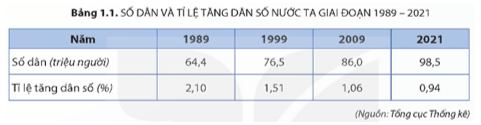
**Chuyên đề: ĐỊA LÍ DÂN CU VIỆT NAM**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm phân bố của các dân tộc ở Việt Nam.

Câu 2. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét:

- Sự thay đổi quy mô dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.

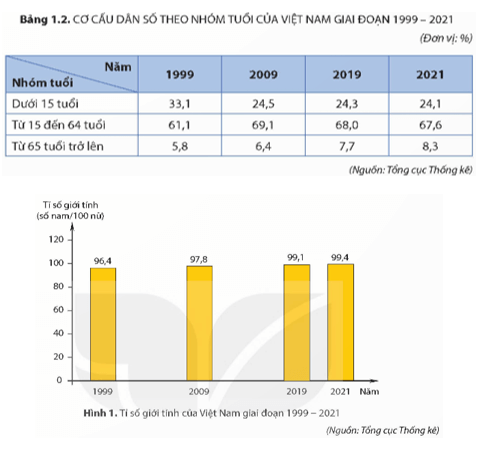
- Tỉ lệ tăng dân số của nước ta giai đoạn 1989 - 2021.



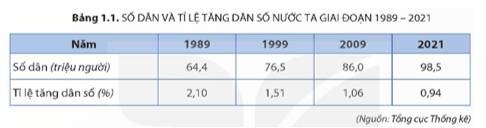
Câu 3. Dựa vào bảng và hình sau, hãy:

- Phân tích sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta trong giai đoạn 1999 - 2021.

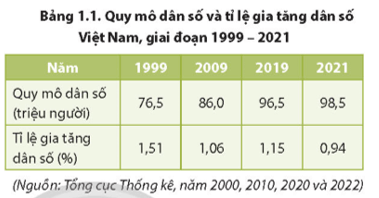
- Nhận xét cơ cấu giới tính của nước ta giai đoạn 1999 - 2021.



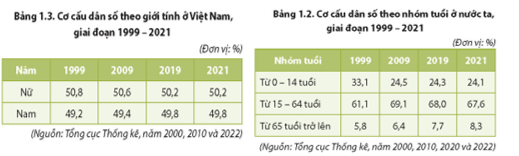
Câu 4. Dựa vào bảng sau, hãy vẽ biểu đồ thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1989 - 2021.



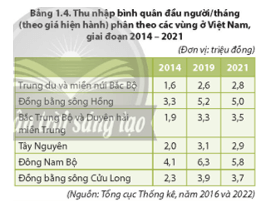
Câu 5. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét tình hình gia tăng dân sốcủa nước ta.



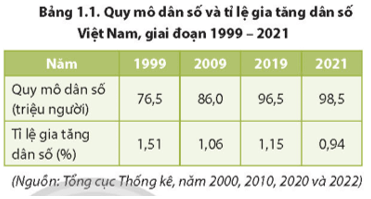
Câu 6. Dựa vào các bảng sau, hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi về cơ cấu dân số theo tuổi và theo giới tính của dân cư nước ta.



Câu 7. Dựa vào bảng sau, hãy phân tích sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính.



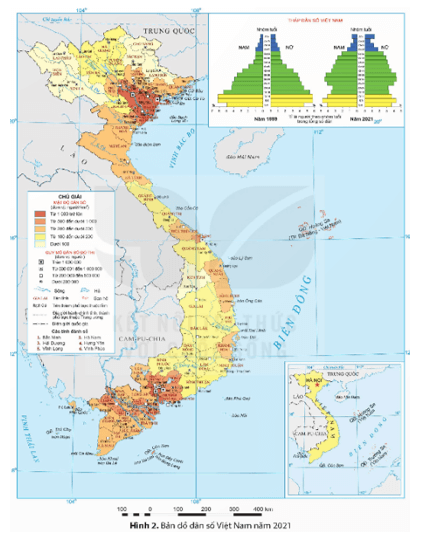
Câu 8. Dựa vào bảng sau, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1999 - 2021



Câu 9. Dựa vào bảng sau, hãy sắp xếp thứ tự từ cao đến thấp về thu nhập bình quân của các vùng ở nước ta năm 2014 và 2021. Nhận xét.



Câu 10. Dựa vào hình sau, hãy nhận xét đặc điểm phân bố dân cư nước ta.

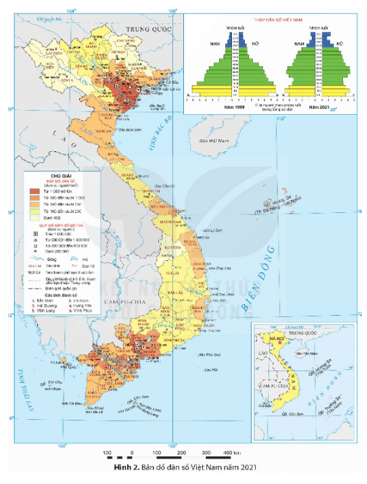


Câu 11. Hãy trình bày sự khác biệt giữa quần cư nông thôn và quần cư thành thị ở nước ta.

Câu 12. Dựa vào hình sau, hãy:

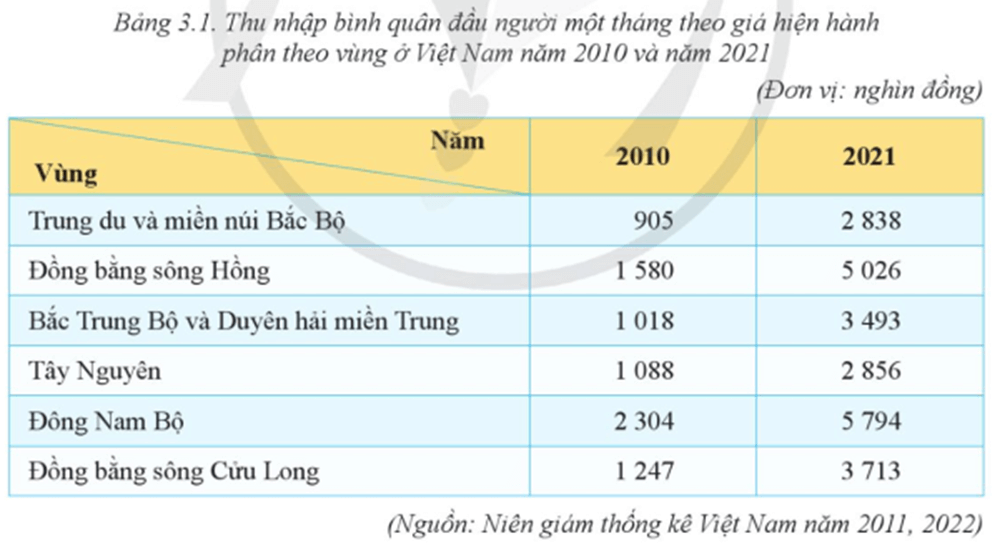
- Liệt kê các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có mật độ dân số từ 1000 người/km2 trở lên.

- Kể tên các đô thị có quy mô dân số trên 1 triệu người.



Câu 13. Lập sơ đồ hệ thống hóa đặc điểm phân bố dân cư Việt Nam.

Câu 14. Dựa vào bảng số liệu sau: Hãy nhận xét sự phân hóa thu nhập theo vùng ở Việt Nam năm 2010 và năm 2021 (Thu nhập của các vùng thay đổi như thế nào? Vùng nào có thu nhập cao nhất? Vùng nào có thu nhập thấp nhất?



Câu 15. Giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số theo thành thị và nông thôn của nước ta. Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

Câu 16. Cho bảng số liệu sau:

Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta trong giai đoạn 1979 - 2013

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1979 | 1989 | 1999 | 2009 | 2013 |
| Tổng số dân *(Triệu người)* | 53,74 | 64,38 | 76,33 | 85,85 | 89,76 |
| Trong đó: Số dân thành thị  *(Triệu người)* | 10,09 | 12,92 | 18,08 | 25,44 | 28,87 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên  *(%)* | 2,51 | 2,10 | 1,43 | 1,23 | 1,07 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2014)*

- Vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta trong giai đoạn 1979 - 2013.

- Nhận xét và giải thích tình hình phát triển dân số của nước ta từ biểu đồ đã vẽ.

Câu 17. Sự phân bố dân cư chưa hợp lí giữa đồng bằng với trung du, miền núi ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng nước ta.

Câu 18. Cho bảng số liệu về dân số và diện tích một số tỉnh ở nước ta năm 2014, hãy tính mật độ dân số của các tỉnh.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh | Hà Giang | Điện Biên | Thái Bình | Kon Tum | Long An |
| Diện tích *(km2)* | 7914,9 | 9562,9 | 1570,8 | 9689,6 | 4495,0 |
| Dân số *(nghìn người)* | 802,0 | 547,8 | 1789,2 | 495,9 | 1484,7 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2015)*

**Chuyên đề: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN**

Câu 1. Hãy phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

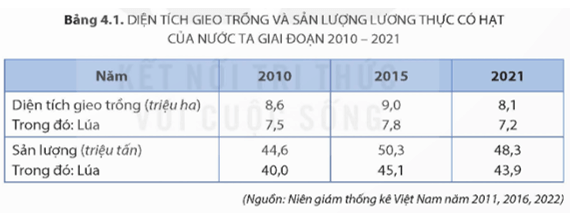
Câu 2. Hãy phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta.

Câu 3. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành trồng trọt ở nước ta.

Câu 4. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành chăn nuôi ở nước ta.

Câu 5. Hãy cho biết ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh ở nước ta.

Câu 6. Dựa vào bảng sau, hãy vẽ biểu đồ thể hiện diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt và lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2021. Nêu nhận xét.



Câu 7. Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phân bố và phát triển nông nghiệp nước ta.

Câu 8. Hãy:

- Cho biết đặc điểm phân bố tài nguyên rừng ở nước ta.

- Nhận xét sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp nước ta.

Câu 9. Hãy:

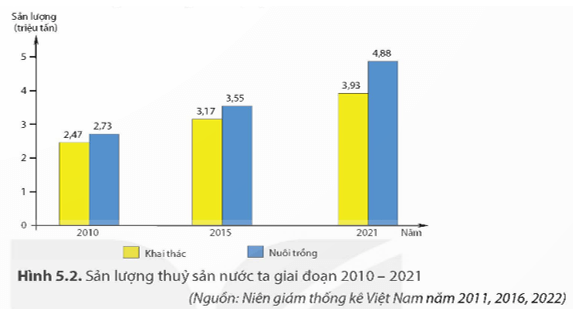
- Cho biết đặc điểm phân bố tài nguyên rừng ở nước ta.

- Nhận xét sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp nước ta.

Câu 10. Dựa vào hình sau, hãy:

- Tính cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo khai thác và nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2010 - 2021.

- Nhận xét sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2021.



Câu 11. Giải thích tại sao ngành chăn nuôi nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây?

Câu 12. Tại sao hiện đại hóa công nghiệp chế biển hải sản là phương hướng quan trọng trong phát triển ngành thủy sản ta?

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ LÂU NĂM

CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2020

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2010 | 2015 | 2020 |
| Tổng diện tích cây công nghiệp | 2495,1 | 2808,1 | 2831,3 | 2643,6 |
| Cây công nghiệp hàng năm | 861,5 | 797,6 | 676,8 | 457,8 |
| Cây công nghiệp lâu năm | 1633,6 | 2010,5 | 2154,5 | 2185,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

a) Tính cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2020.

b) Từ số liệu đã tính, vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2020.

c) Nhận xét và giải thích cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm của nước ta giai đoạn trên.

Câu 14. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NHÂN CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2007 – 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2007 | 2012 | 2015 | 2019 |
| Diện tích (nghìn ha) | 509,3 | 623,0 | 643,3 | 690,1 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 915,8 | 1260,4 | 1453,0 | 1686,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

a. Tính năng suất cà phê nhân (tạ/ha) của nước ta qua các năm trên.

b. Qua bảng số liệu trên, hãy vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện diện tích và sản lượng cà phê nhân của nước ta, giai đoạn 2007 - 2019.

c. Nhận xét và giải thích sự thay đổi diện tích và sản lượng cà phê nhân của nước ta, giai đoạn 2007 - 2019.

Câu 15. Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA *(Đơn vị: nghìn tấn*)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2005 | 2007 | 2011 | 2013 | 2015 |
| Sản lượng thủy sản khai thác  Sản lượng thủy sản nuôi trồng | 1.987,9  1.487,0 | 2.074,5  2.123,3 | 2.350,0  2.970,0 | 2.803,8  3.215,9 | 3.058,7  3.491,0 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê 2016)*

a. Tính tỉ trọng sản lượng thủy sản các loại trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước qua các năm.

b. Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2005 đến năm 2015.

c. Nhận xét và giải thích về sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta ở giai đoạn trên.

Câu 16. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta, giai đoạn 2003 - 2014

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2003 | 2005 | 2010 | 2014 |
| Diện tích *(triệu ha)* | 7,45 | 7,33 | 7,49 | 7,80 |
| Sản lượng *(triệu tấn)* | 34,6 | 35,8 | 40,0 | 44,8 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2015)*

a. Tính năng suất lúa của nước ta qua các năm.

b. Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sản lượng và năng suất lúa của nước ta từ năm 2003 đến năm 2014.

c. Nhận xét và giải thích về sản lượng và năng suất lúa của nước ta ở giai đoạn trên.

Câu 17. Cho bảng số liệu: Diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 - 2014

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2010 | 2014 |
| Cây công nghiệp hàng năm | 542 | 778 | 798 | 710 |
| Cây công nghiệp lâu năm | 657 | 1.451 | 2.011 | 2.134 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2015)*

a. Hãy vẽ biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn trên.

b. Qua biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét và giải thích về sự chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp.

**CÔNG NGHIỆP**

Câu 1. Hãy phân tích vai trò của các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

Câu 2. Hãy phân tích vai trò của các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

Câu 3. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta.

Câu 4. Hãy giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. Tìm hiểu về xu hướng phát triển công nghiệp xanh ở nước ta.

Câu 5. Lập bảng thống kê các ngành công nghiệp chủ yếu theo gợi ý: tên ngành, sản phẩm chủ yếu, phân bố chính.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngành công nghiệp | Sản phẩm chủ yếu | Phân bố chính |
| Khai thác dầu thô, khí tự nhiên |  |  |
| Sản xuất điện |  | |
| Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính |  |  |
| Sản xuất, chế biến thực phẩm và đồ uống |  |  |
| Dệt, may và giày, dép |  |  |

Câu 6. Cho bảng số liệu sau:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2014 - 2021

(*Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2014 | 2016 | 2018 | 2021 |
| Dầu thực vật | 826,9 | 1034,7 | 1168,8 | 1389,5 |
| Sữa bột | 90,2 | 107,7 | 121,3 | 146,7 |
| Gạo xay xát | 42165,0 | 38920,0 | 41460,0 | 39543,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê 2023)*

**a) Dựa vào bảng số liệu trên, vẽ biểu đồ thích hợp nhất** thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của nước ta, giai đoạn 2014 - 2021.

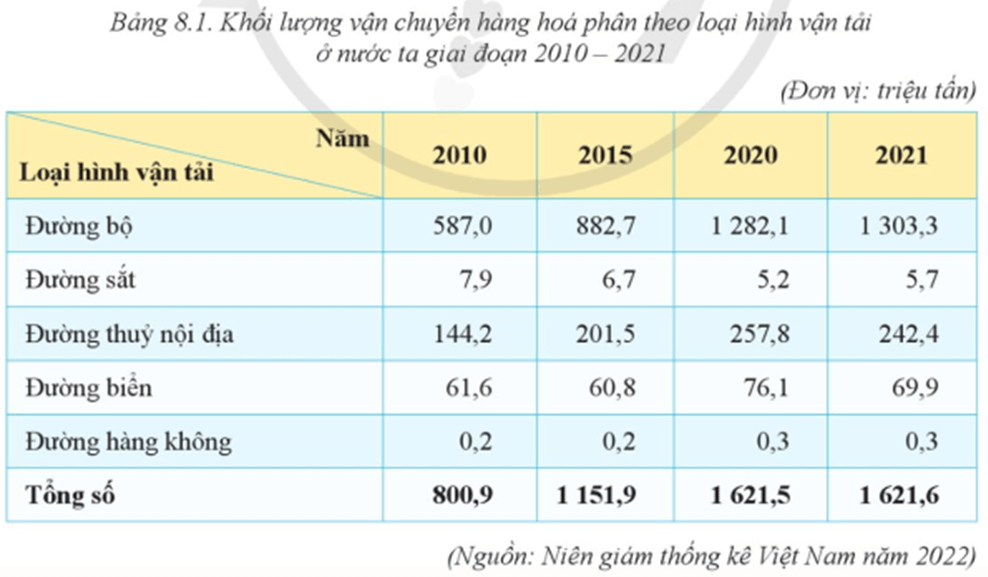
**b)** Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của nước ta giai đoạn trên.

**DỊCH VỤ**

Câu 1: Hãy phân tích vai trò của vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta.

Câu 2. Hãy cho biết các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ

Câu 3. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa phân theo loại hình vận tải ở nước ta giai đoạn 2010-2021.



Câu 4. Hãy:

- Phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành du lịch ở nước ta.

- Lấy ví dụ cụ thể.

Câu 5. Hãy phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại

Câu 6. Hãy phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành du lịch ở nước ta.

Câu 7. Kể tên các tuyến đường ô tô huyết mạch, các tuyến đường sắt: tên đường, hướng đường, điểm bắt đầu, kết thúc. Kể một số cảng biển, cảng hàng không quốc tế chính.

Câu 8. Hãy trình bày sự phát triển ngành bưu chính viễn thông ở nước ta.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000-2017

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 | 2007 | 2015 | 2017 |
| Xuất khẩu | 14,5 | 32,4 | 48,6 | 162,0 | 215,1 |
| Nhập khẩu | 15,6 | 36,8 | 62,8 | 165,6 | 213,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2018)*

a. Tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hoá của nước ta qua các năm.

b. Qua bảng số liệu trên, hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu hàng hoá của nước ta theo các năm.

c. Nhận xét và giải thích tình hình xuất, nhập khẩu hàng hoá của nước ta ở giai đoạn trên.

**Chuyên đề: SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ**

**VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

Câu 1. Hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 2. Hãy trình bày đặc điểm phân hóa thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Đông Bắc | Tây Bắc |
| Địa hình |  |  |
| Khí hậu |  |  |
| Sông ngòi |  |  |
| Sinh vật |  |  |
| Khoáng sản |  |  |

Câu 3. Hãy nêu thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản và du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 4. Hãy nhận xét đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 5. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 6. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Kể tên một số trung tâm công nghiệp và tên ngành công nghiệp của các trung tâm đó ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 7. Lấy ví dụ chứng minh ngành du lịch là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 8. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 2. Hãy phân tích thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3. Hãy phân tích thế mạnh để phát triển kinh tế biển đảo của vùng Đồng bằng sông Hồng.

công nghiệp khai thác khoáng sản biển.

Câu 3. Hãy phân tích đặc điểm về dân cư và nguồn lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng. Trình bày ảnh hưởng của dân cư và nguồn lao động đến sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng.

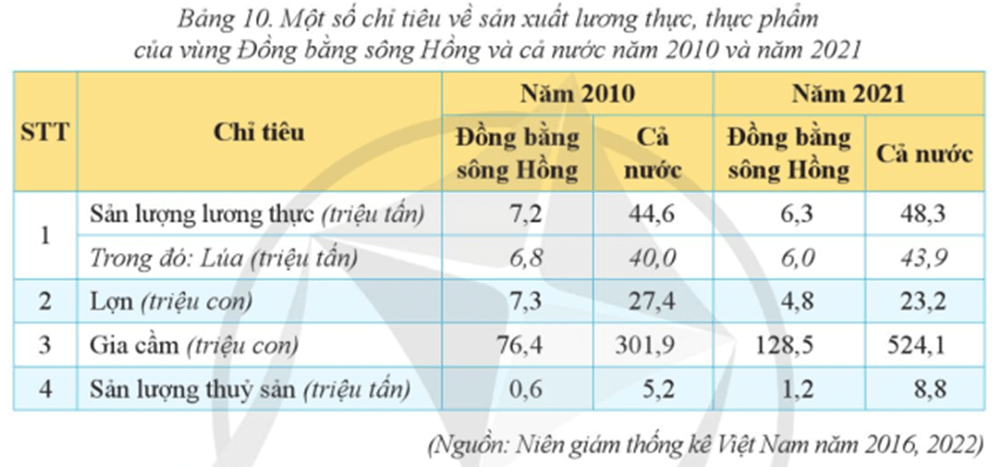
Câu 5. Hãy phân tích vấn đề đô thị hóa ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 7. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8. Hãy nhận xét tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Câu 9. Dựa vào bảng sau, hãy so sánh một số chỉ tiêu về sản xuất lương thực, thực phẩm giữa vùng Đồng bằng sông Hồng với cả nước. Rút ra nhận xét.



Câu 10. Hãy phân tích vị thế của Thủ đô Hà Nội.

Câu 11. Nhận xét và giải thích sự khác nhau về ngành chăn nuôi lợn giữa vùng Đồng bằng sông Hồng với Tây Nguyên. Giá thịt lợn tăng khá cao trên thị trường nước ta trong thời gian gần đây là do nguyên nhân chủ yếu nào?

Câu 12. Vì sao Đồng bằng sông Hồng có mức độ tập trung công nghiệp cao hàng đầu nước ta?

**VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

Câu 1. Hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ.

Câu 2. Nêu thuận lợi của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Hãy trình bày và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ.

Câu 4. Nêu ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đến phát triển kinh tế Bắc Trung Bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| Đặc điểm tự nhiên | Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

Câu 5. Kể tên một số thiên tai và nêu giải pháp phòng, chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ.

Câu 6. Trình bày vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.

Câu 7. Hãy trình bày và giải thích đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.

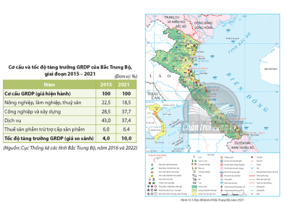
Câu 8. Hãy phân tích tình hình phát triển và phân bố ngành nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ. Nhận xét sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

Câu 9. Hãy phân tích sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp của Bắc Trung Bộ.

 Câu 10. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải và du lịch của Bắc Trung Bộ. Phân tích thế mạnh để phát triển du lịch ở Bắc Trung Bộ.

Câu 11. Hãy phân tích vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ.

Câu 12. Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ.



**Câu 13. Phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ**

**1. Khái quát về một số thiên tai bất thường xảy ra ở Bắc Trung Bộ.**

**2. Giải pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ở Bắc Trung Bộ.**

**3. Ý nghĩa của việc phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ.**

**VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2. Hãy phân tích thế mạnh và hạn chế chính về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3. Hãy trình bày sự phân bố dân cư, dân tộc ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

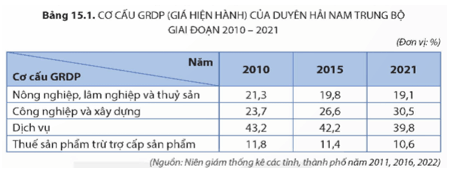
Câu 4. Hãy phân tích những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

 Câu 5. Hãy phân tích sự phát triển của ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 6. Hãy phân tích sự phát triển một số ngành công nghiệp thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 7. Hãy phân tích sự phát triển của một số hoạt động dịch vụ thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 8. Dựa vào bảng sau, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GRDP (giá hiện hành) của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2010 và năm 2021.



Câu 9. Dựa vào hình sau, hãy:



- Xác định phạm vi của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

- Trình bày thế mạnh nổi bật và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Câu 10. Tìm ví dụ cho thấy vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với Duyên hải Nam Trung Bộ và các vùng lân cận.

Câu 11. Chứng minh Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo.

Câu 12. Hãy phân tích những chuyển biến trong phát triển kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

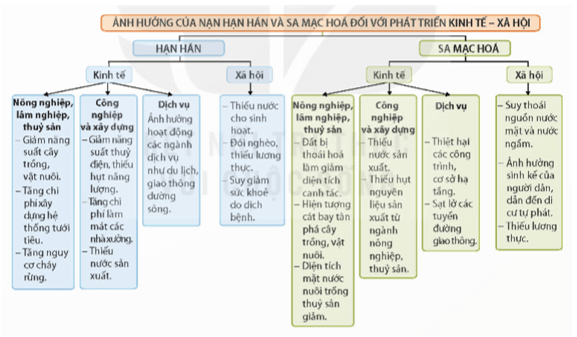
Câu 13. Hãy thể hiện các ngành kinh tế thế mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ và lợi thế phát triển của các ngành đó theo gợi ý dưới đây.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngành thế mạnh | Lợi thế phát triển |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

Câu 14. Dựa vào sơ đồ sau, hãy:

- Phân tích ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận - Bình Thuận.

- Đề xuất một số giải pháp để phòng chống hạn hán và sa mạc hóa.



Câu 15. So sánh thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế biển giữa Duyên hải Nam Trung Bộ với Đông Nam Bộ.

**VÙNG TÂY NGUYÊN**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Tây Nguyên.

Câu 2. Hãy trình bày thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên.

Câu 3. Hãy nhận xét đặc điểm dân cư ở Tây Nguyên. Trình bày đặc điểm văn hóa nổi bật của các dân tộc Tây Nguyên.

Câu 4. Trình bày sự phát triển và phân bố của ngành trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên. Trình bày sự phát triển và phân bố của ngành trồng cây ăn quả Tây Nguyên.

Câu 5. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

Câu 6. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành sản xuất điện ở Tây Nguyên.

Câu 7. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố của ngành du lịch ở Tây Nguyên.

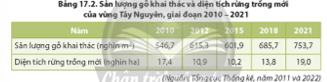
Câu 8. Hãy trình bày các vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên.

Câu 9. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét sản lượng gỗ khai thác và diện tích rừng trồng mới ở Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021.



Câu 10. Dựa vào bảng sau, hãy:

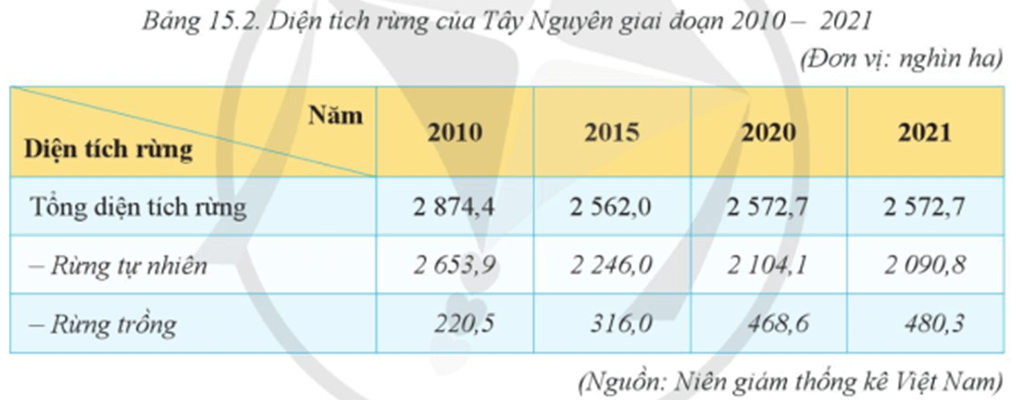
- Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng gỗ khai thác và diện tích rừng trồng mới của vùng Tây Nguyên, giai đoạn 2010 - 2021.



- Rút ra nhận xét.

Câu 11. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả của vùng Tây Nguyên.

Câu 11. Dựa vào bảng sau, hãy nhận xét diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng của vùng Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021.



**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ.

Câu 2. Hãy phân tích các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ.

Câu 3. Hãy trình bày đặc điểm dân cư ở vùng Đông Nam Bộ.

Câu 4. Hãy trình bày đặc điểm đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ.

Câu 5. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.

Câu 6. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ.

Câu 7. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ.

Câu 8. Hãy phân tích ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ.

Câu 9. Hãy phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh

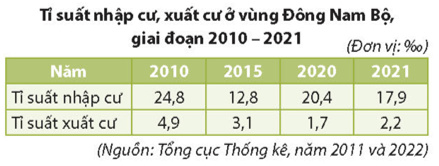
Câu 10. Dựa vào bảng sau, hãy:

- Vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở Đông Nam Bộ giai đoạn 1999 - 2021.

- Nhận xét sự thay đổi số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị



Câu 11. Dựa vào bảng số liệu sau, hãy trình bày đặc điểm dân cư vùng Đông Nam Bộ.



Câu 12. Giải thích tại sao Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển bậc nhất nước ta.

Câu 13. Làm rõ đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

- Tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, diện tích, dân số của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Trình bày một số thế mạnh nổi trội của vùng về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động, cơ sở hạ tầng, vốn đầu tư,…

- Kể tên một số ngành kinh tế tiêu biểu.

- Vai trò của vùng đối với nền kinh tế cả nước (đóng góp của vùng vào GDP cả nước)

**VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Câu 1. Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Hãy phân tích các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Hãy phân tích đặc điểm dân cư và một số vấn đề xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Hãy cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có những thế mạnh nào để phát triển du lịch. Nêu ví dụ một số loại hình du lịch cụ thể.

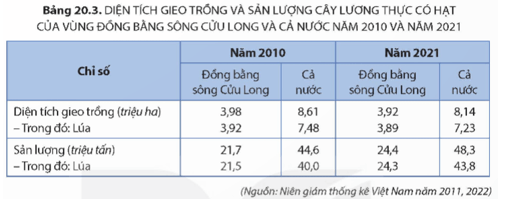
Câu 5. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố nông nghiệp, thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp thế mạnh (sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất điện) ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 7. Hãy trình bày sự phát triển và phân bố một số hoạt động dịch vụ thế mạnh (thương mại, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải đường thủy, du lịch) ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 8. Hãy trình bày khái quát về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9. Dựa vào bảng sau, hãy tính tỉ lệ diện tích gieo trồng, sản lượng lúa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2010 và năm 2021. Rút ra nhận xét.



Câu 10. Một số biện pháp để khắc phục hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 11. Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất giải pháp ứng phó.

Câu 12. Kể tên những sản phẩm nông nghiệp nổi bật của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Lập bảng liệt kê những thế mạnh tự nhiên của vùng để phát triển những sản phẩm đó.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm nổi bật | Cây lương thực | Cây ăn quả | Chăn nuôi lợn, vịt |
| Thế mạnh tự nhiên để phát triển |  | | |

Câu 13. Hãy phân tích một số vấn đề xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 14. Hãy giải thích tại sao Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất ở nước ta.

**Chuyên đề: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO**

**Câu 1.**Hãy trình bày các vùng biển của Việt Nam. Xác định các huyện đảo, thành phố đảo và các tỉnh, thành phố có các huyện đảo, thành phố đảo đó.

Câu 2. Hãy trình bày nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở nước ta.

Câu 3. Hãy trình bày ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển bảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Câu 4. Hãy phân tích vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo nước ta.

Câu 5. Hãy phân tích vấn đề giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Câu 6. Hãy tóm tắt tình hình phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, đảo nước ta.

Câu 7. Lập sơ đồ thể hiện nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển ở Việt Nam.

Câu 8. Tại sao nước ta luôn chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở các huyện đảo? Vì sao vị thế của giao thông đường biển nước ta ngày càng được nâng cao?

**Đáp án chi tiết: Zalo 0974004860**

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-alKq9CR_xy8/XZKbExHpFbI/AAAAAAAAf-8/eC4j4gFE1z06NZhHhXzKJAKzpyPIPqezwCLcBGAsYHQ/s1600/1.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-2T2hSsF1rDA/XZKbIcRv_CI/AAAAAAAAf_k/7crBKAYznEw1kSBviEnbQ1fAs-nLvsIBACLcBGAsYHQ/s1600/2.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-C9oYpNLBzvo/XZKbK-t8UcI/AAAAAAAAgAE/6y6tKzZxbRsL1R8eQdiAcfHc04fGHvVYgCLcBGAsYHQ/s1600/7.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-8_ccIQ92l3M/XZKbLmE-2wI/AAAAAAAAgAI/TZD6HYd-QysIsKaynUumo3UpmvjiPorYgCLcBGAsYHQ/s1600/8.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-zECj12MT9os/XZKbL_mqd6I/AAAAAAAAgAM/1jyufyFG6CAA_YulFv-h3ag_2ZbZmZFSwCLcBGAsYHQ/s1600/9.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-M28CvLbv6RI/XZKbE5tbV6I/AAAAAAAAf-4/gNo109i93rgQB2fGTQJAnz9i8vVm-6rawCLcBGAsYHQ/s1600/10.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-iLo2QdbiPE4/XZKbEzsG99I/AAAAAAAAf_A/PvP_ZnTG8MYfkcyKoWJW3Q57B8MxLbtHQCLcBGAsYHQ/s1600/11.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-sOAZMNspAXI/XZKbFxNXzII/AAAAAAAAf_E/6SO8wTOKKTEgi7H_2ACWI3XY_uaRMmcKgCLcBGAsYHQ/s1600/12.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-k86ly7L_KG0/XZKbGJtE5SI/AAAAAAAAf_I/d45s6zVuwx0pwCM4ElBayIn1CRDjgVK8wCLcBGAsYHQ/s1600/13.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-qiqhiLoijdI/XZKbGdebKPI/AAAAAAAAf_M/nkOfLo2UVg83QP8oYQ2TsotnVJYOt6i8ACLcBGAsYHQ/s1600/14.jpg)

[
Một số công thức địa lý và ví dụ cụ thể
](https://1.bp.blogspot.com/-SIIWKSh763g/XZKbG35B1yI/AAAAAAAAf_Q/6dkn82n0tu4sTqqkdcmSX0ANi-ia_RVRQCLcBGAsYHQ/s1600/15.jpg)

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI LỊCH SỬ 9 CHƯƠNG TRÌNH 2018**

**Đáp án chi tiết liên hệ zalo 0974004860**

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

**Chuyên đề 1. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945**

Câu 1. Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925-1941). Hãy cho biết một số hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941). Năm 1922, Liên Xô thành lập, trong đó, Nga và U-crai-na là hai nước đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Hãy cho biết tình trạng quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia này trong giai đoạn hiện nay (đầu thế kỉ XXI).

Câu 2. Trình bày những nét chính về phong trào cách mạng ở các nước tư bản châu Âu từ năm 1918 đến năm 1923.

Câu 3. Trình bày sự thành lập và một số hoạt động chính của Quốc tế Cộng sản.

Câu 4. Trình bày nguyên nhận và biểu hiện, hậu quả của cuộc đại suy thoái kinh tế trong những năm 1929-1933. Vì sao gọi Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 được gọi là cuộc khủng hoảng “thừa”. Biện pháp để giải quyết khủng hoảng. Tại sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 là cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất, kéo dài nhất, gây thiệt hại nặng nề nhất?

Câu 5. Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu diễn ra như thế nào?

Câu 6. Trình bày những nét lớn về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Câu 7. Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu diễn ra như thế nào?

Câu 8. Lập sơ đồ tư duy về những nét chính của tình hình châu Âu và nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

# Câu 9. Nêu nhận xét của em về con đường thoát khỏi đại suy thoái của các nước tư bản châu Âu và nước Mỹ. Giải pháp thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929-1933 giữa hai nhóm nước Anh-Pháp-Mĩ và Đức-I-ta-li-a-Nhật Bản có gì khác nhau. Tại sao có sự khác nhau đó?

Câu 10. Giới thiệu về Chính sách mới của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc đại suy thoái kinh tế.

Câu 11. Nêu những nét chính về tình hình Nhật Bản trong những năm 1918-1929. Tình hình Nhật Bản trong những năm 1929-1945 có điểm gì nổi bật? Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ và Nhật Bản có điểm gì giống và khác nhau? Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, cách giải quyết của Mĩ và Nhật Bản khác nhau như thế nào? Từ sự phát triển kinh tế của Mĩ, Nhật Bản, Việt Nam cần học hỏi những gì để phát triển kinh tế đất nước?

Câu 12. Nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

Câu 13. Nêu những nét chính về phong trào cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919-1945.

Câu 15. Nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong những năm 1918-1945.

Câu 16. Hãy lập bảng hệ thống những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

Câu 17. Một số sự kiện trong những năm 1939-1945 thể hiện mối liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt Nam-Lào-Cam-pu-chia.

Câu 18. Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai. Trình bày diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai. Vì sao phát xít Đức, I-ta-li-a và quân phiệt Nhật Bản bị tiêu diệt trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Qua kết cục đó em có suy nghĩ gì về chiến tranh thế giới thứ hai? Theo em chúng ta cần phải làm gì để thế giới không còn chiến tranh? Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

Câu 19. Điểm giống và khác nhau so với Chiến tranh thế giới thứ nhất? Liên Xô có vai trò như thế nào trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít?

Câu 20. Vì sao Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản? Có phải vì thế mà Nhật Bản đầu hàng hay không? Em có suy nghĩ gì về hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ 2 đối với nhân loại? Từ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay.

**Chuyên đề 2. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

Câu 1. Nhận định về tình trạng chiến tranh lạnh ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Rây-mân A-ron viết “Hoà bình là bất khả thi, chiến tranh không thể xảy ra” (*Cuộc đối đầu lớn*, NXB Ga-li-mát, Pa-ri, 1948)

Câu 2. Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh

Câu 3. Tại sao Chiến tranh lạnh xảy ra? Em có nhận xét gì về mục đích phát động Chiến tranh lạnh của Mỹ?

Câu 4. Trình bày một số biểu hiện của chiến tranh lạnh

Câu 5. Nêu hậu quả của Chiến tranh lạnh

Câu 6. Hãy nêu một số biểu hiện là hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới hiện nay

Câu 7. Trình bày tình hình chính trị của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991

**Câu 8.** Trình bày tình hình kinh tế của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 9. Trình bày tình hình xã hội và văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 10. Nêu những biểu hiện về sự khủng hoảng và giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ

Câu 11. Trình bày nét nổi bật về chính trị của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 12. Trình bày nét nổi bật về kinh tế của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 13. Trình bày nét nổi bật về xã hội và văn hoá của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 14. Nêu những biểu hiện và giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sụp đổ

Câu 15. Giải thích sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô

Câu 16. Hãy nêu nét chính về tình hình chính trị, kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991. Theo em, sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị nước Mỹ những năm 70 của thế kỉ XX? Vì sao?

Câu 17. Trình bày những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991

thế giới; thông qua quyết định xây dựng thị trường tiền tệ với đồng tiền chung duy nhất (ơ-rô)

Câu 18. Hãy hoàn thành bảng tóm tắt về chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu và Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 19. Hãy nêu nét chính về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 20. Trình bày tóm tắt diễn biến chính của cách mạng Cu-ba

Câu 21. Đánh giá kết quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba (1961 – 1991)

Câu 22. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài bằng đấu tranh vũ trang và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba đối với khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 23. Việt Nam và Cu-ba là hai đất nước có mối quan hệ khăng khít trong lịch sử. Hãy cho biết mối quan hệ Việt Nam - Cu-ba hiện nay.

Câu 24. Trình bày những nét chính về tình hình Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991. Vì sao trong những năm 60 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản có sự phát triển được gọi là “thần kì”.

Câu 25. Trình bày những nét chính về tình hình Trung Quốc từ năm 1945 đến năm 1991

Câu 26. Nêu nét chính của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (1978 – 1991)

Câu 27. Trình bày những nét chính về tình hình Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991

**Câu 28.**Trình bày cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Đông Nam Á từ năm 1945

Câu 29. Trình bày nét chính về quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á từ sau khi giành được độc lập đến năm 1991

Câu 30. Hãy trình bày bối cảnh, sự thành lập và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1967 đến năm 1991

**Chuyên đề 3. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY**

Câu 1. Trình bày xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.

Câu 2. Vì sao từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, Mỹ không thể thiết lập trật tự đơn cực?

Câu 3. Nêu tình hình chính trị, kinh tế Liên Bang Nga từ năm 1991 đến nay

Câu 4. Hãy chọn một vấn đề chính trị hoặc kinh tế của Mỹ, Liên bang Nga mà em cho là có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của hai quốc gia này. Giải thích li do cho sự lựa chọn của em.

Câu 5. Trình bày tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay

Câu 6. Vẽ sơ đồ tư duy mô tả tóm tắt xu hướng vận động và sự hình thành trật tự thế giới sau năm 1991 đến nay

Câu 7. Theo em, xu thế hình thành trật tự thế giới mới từ sau Chiến tranh lạnh đã đặt ra những thời cơ và thách thức như thế nào đối với Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước?

Câu 8. Phân tích tác động của các xu hướng phát triển của thế giới đối với Việt Nam.

Câu 9. Hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ giai đoạn 1991-2021.

**Chuyên đề 4. CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ**

Câu 1. Nêu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới

Câu 2. Em ấn tượng nhất với thành tựu về Internet vì tính đa dạng của nó? Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 3. Làm rõ ảnh hưởng tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với Việt Nam.

Câu 4. Nêu một số ảnh hưởng tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với Việt Nam

Câu 5. Hãy cho biết toàn cầu hoá là gì? Trình bày những biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hoá.

Câu 6. Hãy nêu và đánh giá những tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với thế giới.

Câu 7. Tại sao nói toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam?

Câu 8. Cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với quá trình thực hiện công cuộc đổi mới của Việt Nam.

Câu 9. Theo em, thời cơ và thách thức lớn nhất mà cách mạng khoa công nghệ mang đến cho Việt Nam là gì? Tại sao?

Câu 10. Hãy nêu một số biện pháp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

**LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**Chuyên đề 1. VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945**

Câu 1. Hãy trình bày hoạt động yêu nước tiêu biểu của người Việt Nam ở nước ngoài.

Câu 2. Những nét chính của phong trào của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở trong nước. Ý nghĩa của cuộc bãi công của công nhân Ba Son. Vì sao cuộc bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) tháng 8-1925 đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân Việt Nam?

Câu 3. Hãy trình bày những nét chính trong phong trào của giai cấp công nhân. Tại sao sự kiện đấu tranh đòi thủ Phan Bội Châu, lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh lại có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918- 1930?

Câu 4. Hãy nêu những nét chính về sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng. Theo em, vì sao hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công?

Câu 5. Hãy trình bày những nét chính trong hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng và tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng. Theo em, tại sao Việt Nam Quốc dân đảng đã không thể thành công? Theo em, điểm giống và khác nhau của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

Câu 6. Vẽ sơ đồ thể hiện những sự kiện tiêu biểu trong phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 ở Việt Nam. Theo em, phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam? Kể tên một số thanh niên, trí thức đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ (1918-1930)

Câu 7: Phong trào đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh học nghề trong những năm 1926-1927 đã có những điểm mới nào? Tại sao chỉ trong một thời gian ngắn, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời ở Việt Nam?

Câu 8. So sánh giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa. Tại sao khẳng định năm 1930 giai cấp công nhân là giai cấp nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 9. “Đường Kách mệnh” là tác phẩm phản ánh sự lựa chọn con đường cứu nước của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc người có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình cách mạng Việt Nam và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930. Vậy, con đường cách mạng nào mà Nguyễn Ái Quốc đã đi trong những năm 1918 – 1930? Nguyễn Ái Quốc có vai trò như thế nào trong quá trình thành lập Đảng?

Câu 10. Hãy nêu những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918-1930. Trong giai đoạn 1919 - 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có những chuyển biến gì trong tư tưởng và hình thức đấu tranh cách mạng.

Câu 11. Hãy hoàn thành niên biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918-1930.

**Câu 12.** Em có đồng ý với nhận định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước? Tại sao?

Câu 13. Mô tả những nét chính về phong trào công nhân Việt Nam những năm 1918-1930. Giải thích tại sao cuộc bãi công của công nhân Ba Son được coi là mở đầu cho giai đoạn đấu tranh tự giác của công nhân Việt Nam?

Câu 14. Giải thích tại sao sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 được xem là bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam?

Câu 15. Trình bày nguyên nhân, diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Những biểu hiện nào chứng tỏ Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 có ý nghĩa lịch sử như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

Câu 16. Trình bày nguyên nhân, diễn biến chính của phong trào cách mạng 1936 – 1939. Ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1936 – 1939.

Câu 17. Hoàn thành bảng so sánh về phong trảo cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

Câu 18. Lập bảng tóm tắt những sự kiện chính của phong trào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945

Câu 19. Bàn về bài học lịch sử của phong trào Mặt trận Dân chủ 1936-1939, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng". Em có đồng ý với nhận định trên không?

Câu 20. Nêu và đánh giá chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Đông Dương) trong thời kỳ 1930 - 1945.

Căn cứ vào thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp tầng lớp trong xã hội Việt Nam, Đảng ta có chủ trương tập hợp lực lượng qua từng giai đoạn cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945 như thế nào?

Câu 21. Năm 1941, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được". (*Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 113)

Theo em, vấn đề “sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc” trong giai đoạn lịch sử này là gì? Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giải quyết vấn đề đó như thế nào?

Câu 22. Nêu nét chính về tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật Bản

Câu 23. Hãy cho biết nội dung chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1939 – 1941 là gì? Lấy dẫn chứng để chứng minh.

Câu 24. Công cuộc chuẩn bị lực lượng diễn ra và đạt được kết quả như thế nào?

Câu 25. Cao trào kháng Nhật cứu nước và những hoạt động chuẩn bị cuối cùng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền diễn ra như thế nào?

Câu 26. Hãy trình bày diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 27. Theo em, sự nhạy bén, sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương và Tổng bộ Việt Minh trong lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được thể hiện qua những sự kiện nào?

Câu 28. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời như thế nào?

Câu 29. Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Câu 30. Lập bảng thống kê về những sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Câu 31. Hãy đánh giá vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Câu 32. Chiều ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập", khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đó là thành quả của Cách mạng tháng Tám – một cuộc cách mạng vĩ đại, vĩnh viễn đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi. Tiến trình cách mạng đã diễn ra như thế nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của cuộc cách mạng là gì?

Câu 33. Hãy nêu những nét chính của tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp và Nhật Bản. Giải thích thế nào là tình cảnh “một cổ hai tròng mà nhân dân ta phải chịu đựng.

Câu 34. Hãy lí giải vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.

Câu 35. Em có đồng ý với quan điểm cho rằng: Khu giải phóng với "thủ đô” Tân Trào đóng vai trò là “bàn đạp” cho thể trận tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945? Tại sao?

Câu 36. Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 18-8 – 1945: "Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Câu 37. Theo em, bài học lịch sử nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng và phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

**Chuyên đề 2. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

Câu 1. Hãy trình bày các biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2. Hãy nêu các biện pháp để giải quyết khó khăn về kinh tế của chính quyền cách mạng

Câu 3. Hãy nêu các biện pháp giải quyết “giặc dốt” và xây dựng nền văn hoá mới của dân tộc

Câu 4. Hãy cho biết theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

Câu 5. Trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại của nhân dân Nam Bộ

Câu 6. Em có nhận xét gì về tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại của nhân dân Việt Nam?

Câu 7. Lập bảng tóm tắt về những biện pháp chủ yếu để giải quyết khó khăn của đất nước trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

Câu 8. Hãy giải thích vì sao Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Nhà nước của dân, do dân, vì dân?

Câu 9. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Em có suy nghĩ gì về câu nói đó? Là một học sinh, em có thể làm gì để góp phần xây dựng đất nước?

Câu 10. Nêu một số hoạt động thể hiện âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam của thực dân Pháp

Câu 11. Hãy giải thích nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 12. Hãy trình bày nội dung và giải thích đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. Theo em, nội dung nào trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Câu 13. Theo em, nội dung về “toàn dân” trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? bởi

Câu 14. Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao trong những năm đầu kháng chống Pháp xâm lược (1946 – 1950)

Câu 15. Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận kinh tế trong những năm đầu kháng chống Pháp xâm lược (1946 – 1950)

Câu 16. Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận văn hoá, giáo dục trong những năm đầu kháng chống Pháp xâm lược (1946 – 1950)

Câu 17. Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong những năm đầu kháng chống Pháp xâm lược (1946 – 1950) Vì sao Chiến thắng Biên giới năm 1950 được coi là bước ngoặt của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp xâm lược?

Câu 18. Mô tả chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

Câu 19. Hãy chứng minh câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (12 – 1946): “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa"

Câu 20. Hoàn thành bảng về các thắng lợi hoặc thành tựu tiêu biểu trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1950).

Câu 21. Mô tả những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954

Câu 22. Nêu một số thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực kinh tế trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954.

Câu 23. Nêu một số thành tựu tiêu biểu trên mặt trận văn hóa trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954.

Câu 24. Năm 1953, Pháp và Mỹ thực hiện kế hoạch Na-va nhằm mục tiêu gì? Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chủ động đối phó như thế nào? Kết quả?

Câu 25. Kế hoạch Na-va đã bị phá sản như thế nào? Những thắng lợi tiêu biểu trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu 27. Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Câu 28. Nêu các thắng lợi về các thắng lợi tiêu biểu của quân dân Việt Nam trong giai đoạn 1951 – 1954.

Câu 29. Vì sao nói: Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kiện "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"?

Câu 30. Những thắng lợi tiêu biểu về ngoại giao trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1954

Câu 31. Em có đồng ý với quan điểm cho rằng: Tầm vóc vĩ đại của cuộc kháng chiến toàn dân đã tạo nền tảng cho một thời kì nở rộ của văn chương và nghệ thuật? Tại sao?

Câu 32. Trình bày những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong cải cách ruộng đất, công cuộc khôi phục kinh tế và hàn gắn chiến tranh từ năm 1954 đến năm 1957.

**Câu 33.** Những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 – 1960). Trong giai đoạn này, miền Bắc đã chi viện cho miền Nam như thế nào?

Câu 34. Những thành tựu tiêu biểu của miền bắc trong xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 – 1965) và chi viện cho miền Nam

Câu 35. Phong trào Đồng Khởi nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nêu diễn biến, kết quả của phong trào.

Câu 36. Hãy mô tả những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ

Câu 38. Lập bảng hệ thống về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc và những thắng lợi về quân sự của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1965.

Câu 39. Chứng minh sự chi viện sức người, sức của của hậu phương miền Bắc đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi quân sự ở tiền tuyến miền Nam từ năm 1961 đến năm 1965.

Câu 40. Trong bài thơ chúc Tết năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua, Thắng trận tin vui khắp nước nhà. Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ. Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!*

Theo em, quân dân hai miền Nam, Bắc đã giành được những thắng lợi tiêu biểu nào trong giai đoạn 1965 – 1975? Thắng lợi nào là dấu mốc kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam?

Câu 41. Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong các giai đoạn 1965 - 1968, 1969 - 1973.

Câu 42. Quân dân miền Nam đã chống chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ và giành thắng lợi như thế nào? Cho biết ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Câu 43. Miền Nam đã chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ và giành thắng lợi như thế nào? Cho biết ý nghĩa của cuộc Tiển công chiến lược năm 1972.

Câu 44. Những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong những năm 1965 – 1975. Đánh giá vai trò của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu 45. Hãy cho biết những thành tựu tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong giai đoạn 1965-1973.

Câu 46. Hãy trình bày diễn biến, kết quả của Chiến dịch Hồ Chí Minh và giải phóng hoàn toàn miền Nam

Câu 47. Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

Câu 48. Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 49. Hãy lấy dẫn chứng để chứng minh vai trò "hậu phương lớn" của miền Bắc đối với "tiền tuyến lớn" miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1975.

Câu 50. Hãy lập bảng hệ thống các thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1975

Câu 51. Nêu những việc làm cụ thể để thể hiện lòng biết ơn, tri ân của em đến các anh hùng liệt sĩ và những người có đóng góp tiêu biểu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 52. Hãy cho biết vì sao cần phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

Câu 53. Trình bày nét chính về quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Câu 54. Trình bày cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979.

 Câu 55. Việt Nam đã có những hoạt động gì nhằm đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo?

Câu 56. Trình bày cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Câu 57. Hãy trình bày tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của Việt Nam trong những năm 1976 - 1985

Câu 58. Giải thích vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định tiến hành công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước?

Câu 59. Hãy nêu nội dung cơ bản của đường lối đổi mới của Đảng.

Câu 60. Nêu kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới của Việt Nam trong giai đoạn 1986-1991.

Câu 61. Lập bảng tóm tắt một số thành tựu cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1976 đến năm 1991

Câu 62. Chứng minh: Đổi mới là lựa chọn “sống còn” đối với dân tộc Việt Nam

Câu 63. Đánh giá những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn 1986-1991.

Câu 64. Theo em, thành tựu nổi bật nhất trong công cuộc đổi mới đất nước (1986 -1991) là gì? Thành tựu ấy có ý nghĩa và giá trị như thế nào trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ?

**Chuyên đề 3. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY**

Câu 1. Trình bày khái lược các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay và nêu nhận xét

Câu 2. Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu về kinh tế mà Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay.

Câu 3. Hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu về chính trị mà Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay.

Câu 4. Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của đất nước về văn hoá, xã hội, giáo dục mà Việt Nam từ năm 1991 đến nay.

Câu 5. Trình bày những thành tựu trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh từ năm 1991 đến nay.

Câu 6. Hãy hoàn thành bảng tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay

Câu 7. Có ý kiến cho rằng: Những thành tựu của công cuộc Đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc học tập và cuộc sống hằng ngày của bản thân em. Em đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 8. Hãy nêu các biểu hiện cho thấy Việt Nam đạt được sự ổn định chính trị và nâng cao uy tín trên trường quốc tế. Em có nhận xét gì về nguyên tắc “kiểm soát quyền lực" được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013?

**ĐÁP ÁN CHI TIẾT LIÊN HỆ ZAL 0974004860**